

Số 3342 /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn nước ngoài khuyến khích áp dụng trực tiếp trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 225/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị quyết số 249/NQ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 189/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt đầu tư xây dựng Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 245/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn nước ngoài trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử (nêu tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Khuyến khích áp dụng trực tiếp các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn nước ngoài trong Danh mục nêu tại Điều 1 Quyết định này theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 3. Giao Cục An toàn bức xạ và hạt nhân:

a) Chủ trì, phối hợp với Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia và các cơ quan, đơn vị liên quan định kỳ rà soát, điều chỉnh, cập nhật Danh mục tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn nước ngoài về năng lượng nguyên tử phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

b) Tham mưu, tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Danh mục tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn nước ngoài, định hướng áp dụng tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử và thực tiễn.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Viện trưởng Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Xuân Định;
- Các Bộ, ngành có liên quan;
- UBND tỉnh, thành phố;
- Ủy ban TĐC (để t/h);
- Lưu: VT, ATBXHN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Xuân Định

DANH MỤC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3342/QĐ-BKH-CN ngày 03 tháng 8 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

STT	Số hiệu tiêu chuẩn/văn bản	Tên tiêu chuẩn/văn bản
	A. Thuật ngữ	
1	IAEA 2022 Edition	Từ điển về thanh sát hạt nhân IAEA Safeguards Glossary 2022 Edition
	B. Cơ sở hạt nhân	
2	IAEA, GS-G-3.5	Hệ thống quản lý đối với cơ sở hạt nhân The Management System for Nuclear Installations
3	IAEA, SSG-42 (Rev. 1)	An toàn của các cơ sở tái chế nhiên liệu hạt nhân Safety of Nuclear Fuel Reprocessing Facilities
4	IAEA, SSG-43 (Rev. 1), 2025	An toàn của các cơ sở nghiên cứu và phát triển chu trình nhiên liệu hạt nhân Safety of Nuclear Fuel Cycle Research and Development Facilities
5	IAEA, SSG-69, 2021	Đánh giá chất lượng thiết bị đối với cơ sở hạt nhân Equipment Qualification for Nuclear Installations

6	IAEA, SSG-79, 2023	Nguy hại liên quan đến sự kiện bên ngoài do con người gây ra trong đánh giá địa điểm đối với nhà máy điện hạt nhân Hazards Associated with Human Induced External Events in Site Evaluation for Nuclear Power Plants
7	SSG-9 (Rev. 1), 2022	Nguy hại động đất trong đánh giá địa điểm đối với cơ sở hạt nhân Seismic Hazards in Site Evaluation for Nuclear Installations
8	SSG-92, 2025	Điều tra đặc trưng địa điểm và đánh giá các rủi ro bức xạ đối với công chúng và môi trường trong đánh giá địa điểm đối với cơ sở hạt nhân. Investigation of Site Characteristics and Evaluation of Radiation Risks to the Public and the Environment in Site Evaluation for Nuclear Installations
9	SSG-93, 2026	Các khía cạnh địa kỹ thuật trong lựa chọn địa điểm và thiết kế cơ sở hạt nhân Geotechnical Aspects in the Siting and Design of Nuclear Installations
10	SSG-47, 2018	Chấm dứt hoạt động nhà máy điện hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu và các cơ sở chu trình nhiên liệu hạt nhân khác Decommissioning of Nuclear Power Plants, Research Reactors and Other Nuclear Fuel Cycle Facilities
11	IEC 60231:1967	Nguyên tắc chung của thiết bị lò phản ứng hạt nhân General principles of nuclear reactor instrumentation
12	IEC 60231A:1969	Sửa đổi A - Nguyên tắc chung của thiết bị lò phản ứng hạt nhân Supplement A - General principles of nuclear reactor instrumentation

13	IEC 60231B:1972	Bổ sung B - Nguyên tắc chung về thiết bị lò phản ứng hạt nhân - Nguyên tắc thiết bị lò phản ứng nước sôi chu trình trực tiếp Supplement B - General principles of nuclear reactor instrumentation - Principles of instrumentation of direct cycle boiling water power reactors
14	IEC 60231C:1974	Bổ sung C: Thiết bị của lò phản ứng làm mát bằng khí có điều chế bằng than chì Third supplement: Instrumentation of gas-cooled graphite-moderated reactors
15	IEC 60231D:1975	Bổ sung D - Nguyên tắc chung về thiết bị đo lò phản ứng hạt nhân - Nguyên tắc đo cho lò phản ứng nước áp suất Supplement D - General principles of nuclear reactor instrumentation - Principles of instrumentation for pressurized water reactors
16	IEC 60231E:1977	Bổ sung E - Nguyên tắc chung về thiết bị đo lò phản ứng hạt nhân - Nguyên tắc thiết bị đo lò phản ứng điện làm mát bằng khí chu trình gián tiếp nhiệt độ cao (HTGR) Supplement E - General principles of nuclear reactor instrumentation - Principles of instrumentation of high temperature indirect cycle gas-cooled power reactors (HTGR)
17	IEC 60231F:1977	Bổ sung F - Nguyên tắc chung về thiết bị đo lò phản ứng hạt nhân - Lò phản ứng tạo hơi nước, chu trình trực tiếp, lò phản ứng làm chậm bằng nước nặng Supplement F - General principles of nuclear reactor instrumentation - Steam generating, direct cycle, heavy-water moderated reactors
18	IEC 60231G:1977	Bổ sung G - Nguyên tắc chung về thiết bị đo lò phản ứng hạt nhân - Lò phản ứng nhanh làm mát bằng kim loại lỏng

		Supplement G - General principles of nuclear reactor instrumentation - Liquid-metal cooled fast reactors
19	IEC 61031:2020	Cơ sở hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển - Tiêu chí thiết kế, vị trí và ứng dụng cho thiết bị giám sát liều bức xạ gamma khu vực được lắp đặt để sử dụng trong quá trình vận hành bình thường và tình huống vận hành dự kiến Nuclear facilities - Instrumentation and control systems - Design, location and application criteria for installed area gamma radiation dose rate monitoring equipment for use during normal operation and anticipated operational occurrences
20	IEC 61504:2017	Cơ sở hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Hệ thống tập trung để giám sát liên tục bức xạ và/hoặc mức độ phóng xạ Nuclear facilities - Instrumentation and control systems important to safety - Centralized systems for continuous monitoring of radiation and/or levels of radioactivity
21	IEC 62645:2019	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo, điều khiển và điện - Yêu cầu về an ninh mạng Nuclear power plants - Instrumentation, control and electrical power systems - Cybersecurity requirements
22	IEC 62705:2022	Cơ sở hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Hệ thống giám sát bức xạ (RMS): Đặc điểm và vòng đời Nuclear facilities - Instrumentation and control important to safety - Radiation monitoring systems (RMS): Characteristics and lifecycle
23	IEC 63260:2020	Hướng dẫn kết hợp phân tích độ tin cậy của con người vào đánh giá rủi ro xác suất cho các nhà máy điện hạt nhân và các cơ sở hạt nhân khác

		Guide for incorporating human reliability analysis into probabilistic risk assessments for nuclear power generating stations and other nuclear facilities
24	IEC 63272:2024	Cơ sở hạt nhân - Hệ thống điện - Hệ thống cung cấp điện AC có thể ngắt Nuclear facilities - Electrical power systems - AC interruptible power supply systems
25	IEC 63351:2024	Cơ sở hạt nhân - Kỹ thuật yếu tố con người - Ứng dụng vào thiết kế giao diện người-máy Nuclear facilities - Human factors engineering - Application to the design of human-machine interfaces
26	IEC TR 63400:2025	Cơ sở hạt nhân - Hệ thống đo, điều khiển và điện quan trọng về an toàn - Cấu trúc của bộ tiêu chuẩn IEC SC 45A Nuclear facilities - Instrumentation, control and electrical power systems important to safety - Structure of the IEC SC 45A standards series
27	IEC TR 63468:2023	Cơ sở hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển, và hệ thống điện - Ứng dụng trí tuệ nhân tạo Nuclear facilities - Instrumentation and control, and electrical power systems - Artificial Intelligence applications
28	IEC TR 63486:2024	Cơ sở hạt nhân - Hệ thống đo, điều khiển và điện - Phương pháp quản lý rủi ro an ninh mạng Nuclear facilities - Instrumentation, control and electrical power systems - Cybersecurity risk management approaches
29	IEC/IEEE 60780-323:2016	Cơ sở hạt nhân - Thiết bị điện quan trọng về an toàn - Chứng nhận Nuclear facilities - Electrical equipment important to safety - Qualification

30	IEC/IEEE 60980-344:2020	Cơ sở hạt nhân - Thiết bị quan trọng về an toàn - Chứng nhận địa chấn Nuclear facilities - Equipment important to safety - Seismic qualification
31	IEC/IEEE 63113:2021	Cơ sở hạt nhân - Thiết bị quan trọng về an toàn - Thiết bị đo bể chứa nhiên liệu đã qua sử dụng Nuclear facilities - Instrumentation important to safety - Spent fuel pool instrumentation
32	ISO 15080:2001 Amd 1:2019	Cơ sở hạt nhân - Lỗ thông gió cho vỏ bọc được che chắn Nuclear facilities - Ventilation penetrations for shielded enclosures
33	ISO 16646:2024	Cơ sở phản ứng tổng hợp hạt nhân - Tiêu chí thiết kế và vận hành hệ thống giam giữ và thông gió của các cơ sở nhiệt hạch tritium và cơ sở xử lý nhiên liệu nhiệt hạch Fusion installations - Criteria for the design and operation of confinement and ventilation systems of tritium fusion facilities and fusion fuel handling facilities
34	ISO 16647:2018	Cơ sở hạt nhân - Tiêu chí thiết kế và vận hành hệ thống giam giữ cho công trường hạt nhân và cho các cơ sở hạt nhân đang ngừng hoạt động Nuclear facilities - Criteria for design and operation of confinement systems for nuclear worksite and for nuclear installations under decommissioning
35	ISO 16659-1:2022	Hệ thống thông gió cho các cơ sở hạt nhân - Phương pháp thử hiệu quả tại chỗ cho bẫy iốt có chất hấp thụ rắn - Phần 1: Yêu cầu chung Ventilation systems for nuclear facilities - In-situ efficiency test methods for iodine traps with solid sorbent - Part 1: General requirements

36	ISO 17873:2004	Cơ sở hạt nhân - Tiêu chí thiết kế và vận hành hệ thống thông gió cho các cơ sở hạt nhân không phải lò phản ứng hạt nhân Nuclear facilities - Criteria for the design and operation of ventilation systems for nuclear installations other than nuclear reactors
37	ISO 18075:2018	Phương pháp neutronic trạng thái ổn định để phân tích lò phản ứng công suất Steady-state neutronics methods for power-reactor analysis
38	ISO 18077:2022	Tải lại các thử nghiệm vật lý khởi động cho lò phản ứng nước điều áp Reload startup physics tests for pressurized water reactors
39	ISO 18195:2019	Phương pháp biện minh cho việc phân vùng chống cháy trong các nhà máy điện hạt nhân làm mát bằng nước (NPP) Method for the justification of fire partitioning in water cooled nuclear power plants (NPP)
40	ISO 18229:2018	Các yêu cầu kỹ thuật thiết yếu đối với các thành phần cơ khí và cấu trúc kim loại dự kiến cho lò phản ứng hạt nhân thế hệ IV Essential technical requirements for mechanical components and metallic structures foreseen for Generation IV nuclear reactors
41	ISO 18518:2025	Cơ sở nhiệt hạch từ tính - Yêu cầu đối với hệ thống an toàn do ứng dụng công nghệ siêu dẫn Magnetic fusion facilities - Requirements for the safety systems raised by the application of the superconducting technology

42	ISO 19226:2017	Năng lượng hạt nhân - Xác định lưu lượng neutron và dịch chuyển trên mỗi nguyên tử (dpa) trong thùng lò phản ứng và các cấu kiện bên trong lò Nuclear energy - Determination of neutron fluence and displacement per atom (dpa) in reactor vessel and internals
43	ISO 20890-1:2020	Hướng dẫn kiểm tra trong vận hành đối với các thành phần vòng làm mát sơ cấp của lò phản ứng nước nhẹ - Phần 1: Kiểm tra siêu âm cơ giới hóa Guidelines for in-service inspections for primary coolant circuit components of light water reactors - Part 1: Mechanized ultrasonic testing
44	ISO 20890-2:2020	Hướng dẫn kiểm tra trong vận hành đối với các thành phần vòng làm mát sơ cấp của lò phản ứng nước nhẹ - Phần 2: Thử nghiệm hạt từ tính và chất xâm nhập Guidelines for in-service inspections for primary coolant circuit components of light water reactors - Part 2: Magnetic particle and penetrant testing
45	ISO 20890-3:2020	Hướng dẫn kiểm tra trong vận hành đối với các thành phần vòng làm mát sơ cấp của lò phản ứng nước nhẹ - Phần 3: Thử nghiệm thủy tĩnh Guidelines for in-service inspections for primary coolant circuit components of light water reactors - Part 3: Hydrostatic testing
46	ISO 20890-4:2020	Hướng dẫn kiểm tra trong vận hành đối với các thành phần vòng làm mát sơ cấp của lò phản ứng nước nhẹ - Phần 4: Kiểm tra trực quan Guidelines for in-service inspections for primary coolant circuit components of light water reactors - Part 4: Visual testing

47	ISO 20890-5:2020	Hướng dẫn kiểm tra trong vận hành đối với các thành phần vòng làm mát sơ cấp của lò phản ứng nước nhẹ - Phần 5: Kiểm tra dòng điện xoáy của ống sưởi của máy tạo hơi nước Guidelines for in-service inspections for primary coolant circuit components of light water reactors - Part 5: Eddy current testing of steam generator heating tubes
48	ISO 23018:2022	Tiết diện tương tác trung bình theo nhóm năng lượng của neutron và tia gamma phục vụ tính toán an toàn bức xạ và che chắn cho lò phản ứng hạt nhân Group-averaged neutron and gamma-ray cross sections for radiation protection and shielding calculations for nuclear reactors
49	ISO 23466:2020	Tiêu chí thiết kế cách nhiệt hệ thống làm mát lò phản ứng thiết bị chính và đường ống của nhà máy điện hạt nhân PWR Design criteria for the thermal insulation of reactor coolant system main equipments and piping of PWR nuclear power plants
50	ISO 23467:2020	Cách ly nút băng của đường ống trong nhà máy điện hạt nhân Ice plug isolation of piping in nuclear power plant
51	ISO 23468:2021	Công nghệ lò phản ứng - Phân tích và đo lò phản ứng điện - Xác định độ tinh khiết đồng vị nước nặng bằng quang phổ hồng ngoại biến đổi Fourier Reactor technology - Power reactor analyses and measurements - Determination of heavy water isotopic purity by Fourier transform infrared spectroscopy
52	ISO 26802:2010	Cơ sở hạt nhân - Tiêu chí thiết kế và vận hành hệ thống ngăn chặn và thông gió cho các lò phản ứng hạt nhân

		Nuclear facilities - Criteria for the design and the operation of containment and ventilation systems for nuclear reactors
	C. Nhà máy điện hạt nhân	
53	IAEA, SSG-13 (Rev. 1), 2024	Chương trình hóa học đối với nhà máy điện hạt nhân được làm mát bằng nước Chemistry Programme for Water Cooled Nuclear Power Plants
54	IAEA, SSG-2 (Rev. 1), 2019	Phân tích an toàn tất định đối với nhà máy điện hạt nhân Deterministic Safety Analysis for Nuclear Power Plants
55	IAEA, SSG-25, 2013	Đánh giá an toàn định kỳ đối với nhà máy điện hạt nhân Periodic Safety Review for Nuclear Power Plants
56	IAEA, SSG-27, 2022	An toàn tới hạn trong xử lý vật liệu phân hạch Criticality Safety in the Handling of Fissile Material
57	IAEA, SSG-28, 2014	Vận hành thử nhà máy điện hạt nhân Commissioning for Nuclear Power Plants
58	IAEA, SSG-3 (Rev. 1), 2024	Phát triển và áp dụng đánh giá an toàn xác suất mức 1 đối với nhà máy điện hạt nhân Development and Application of Level 1 Probabilistic Safety Assessment for Nuclear Power Plants
59	IAEA, SSG-30, 2014	Phân loại an toàn các hệ thống, cấu trúc, bộ phận của nhà máy điện hạt nhân Classification of SSCs in NPPs
60	IAEA, SSG-4 (Rev. 1), 2025	Phát triển và áp dụng đánh giá an toàn xác suất mức 2 đối với nhà máy điện hạt nhân

		Development and Application of Level 2 Probabilistic Safety Assessment for Nuclear Power Plants
61	IAEA, SSG-48, 2018	Quản lý lão hóa và xây dựng chương trình vận hành dài hạn đối với nhà máy điện hạt nhân Ageing Management and Development of a Programme for Long Term Operation of Nuclear Power Plants
62	IAEA, SSG-54, 2019	Chương trình quản lý sự cố đối với nhà máy điện hạt nhân Accident Management Programmes for Nuclear Power Plants
63	IAEA, SSG-70, 2022	Giới hạn và điều kiện vận hành và quy trình vận hành đối với nhà máy điện hạt nhân Operational Limits and Conditions and Operating Procedures for Nuclear Power Plants
64	IAEA, SSG-71, 2022	Nâng cấp, cải tạo đối với nhà máy điện hạt nhân Modifications to Nuclear Power Plants
65	IAEA, SSG-72, 2022	Tổ chức vận hành nhà máy điện hạt nhân The Operating Organization for Nuclear Power Plants
66	IAEA, SSG-73, 2022	Quản lý vùng hoạt và xử lý nhiên liệu đối với nhà máy điện hạt nhân Core Management and Fuel Handling for Nuclear Power Plants
67	IAEA, SSG-74, 2022	Bảo trì, thử nghiệm và giám sát, kiểm tra trong vận hành nhà máy điện hạt nhân Maintenance, Surveillance and In-service Inspection in NNPs
68	IAEA, SSG-75, 2022	Tuyển dụng, đào tạo và đánh giá năng lực nhân sự đối với nhà máy điện hạt nhân Recruitment, Qualification and Training of Personnel for Nuclear Power Plants

69	IAEA, SSG-76, 2022	Thực hiện vận hành tại nhà máy điện hạt nhân Conduct of Operations at Nuclear Power Plants
70	IAEA, SSG-77, 2022	Bảo vệ chống lại các nguy hại bên trong và bên ngoài trong quá trình vận hành nhà máy điện hạt nhân Protection Against Internal and External Hazards in the Operation of Nuclear Power Plants
71	IEC 60515:2007	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị quan trọng về an toàn - Máy dò bức xạ - Đặc điểm và phương pháp thử nghiệm Nuclear power plants - Instrumentation important to safety - Radiation detectors - Characteristics and test methods
72	IEC 60568:2006	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo quan trọng về an toàn - Thiết bị đo trong vùng hoạt để đo tốc độ dòng neutron (thông lượng) trong lò phản ứng công suất Nuclear power plants - Instrumentation important to safety - In-core instrumentation for neutron fluence rate (flux) measurements in power reactors
73	IEC 60671:2007	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Kiểm tra giám sát Nuclear power plants - Instrumentation and control systems important to safety - Surveillance testing
74	IEC 60709:2018	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo, điều khiển và điện quan trọng về an toàn – Phân tách

		Nuclear power plants - Instrumentation, control and electrical power systems important to safety - Separation
75	IEC 60737:2010	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo quan trọng về an toàn - Cảm biến nhiệt độ (trong vùng hoạt và vòng làm mát sơ cấp) - Đặc điểm và phương pháp thử nghiệm Nuclear power plants - Instrumentation important to safety - Temperature sensors (in-core and primary coolant circuit) - Characteristics and test methods
76	IEC 60744:2018	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Các cụm logic an toàn được sử dụng trong các hệ thống thực hiện chức năng loại A: Đặc điểm và phương pháp thử nghiệm Nuclear power plants - Instrumentation and control systems important to safety - Safety logic assemblies used in systems performing category A functions: Characteristics and test methods
77	IEC 60768:2009	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị quan trọng về an toàn - Thiết bị giám sát liên tục trực tuyến hoặc nội tuyến phóng xạ trong các luồng quy trình đối với điều kiện bình thường và sự cố Nuclear power plants - Instrumentation important to safety - Equipment for continuous in-line or on-line monitoring of radioactivity in process streams for normal and incident conditions
78	IEC 60772:2018	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo quan trọng về an toàn - Các cụm lắp ráp điện xuyên qua các cấu trúc ngăn chặn Nuclear power plants - Instrumentation systems important to safety - Electrical penetration assemblies in containment structures

79	IEC 60880:2006	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Các khía cạnh phần mềm cho các hệ thống dựa trên máy tính thực hiện các chức năng loại A Nuclear power plants - Instrumentation and control systems important to safety - Software aspects for computer-based systems performing category A functions
80	IEC 60910:2022	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị quan trọng về an toàn - Giám sát ngăn chặn để phát hiện sớm các sai lệch đang phát triển so với hoạt động bình thường trong lò phản ứng nước nhẹ Nuclear power plants - Instrumentation important to safety - Containment monitoring for early detection of developing deviations from normal operation in light water reactors
81	IEC 60911:2025	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo - Các phép đo để theo dõi quá trình làm mát thích hợp bên trong vùng hoạt lò phản ứng nước nhẹ áp suất Nuclear power plants - Instrumentation systems - Measurements for monitoring adequate cooling within the core of pressurized light water reactors
82	IEC 60951-1:2022	Cơ sở hạt nhân - Hệ thống đo quan trọng về an toàn - Giám sát bức xạ trong điều kiện sự cố và sau sự cố - Phần 1: Yêu cầu chung Nuclear facilities - Instrumentation systems important to safety - Radiation monitoring for accident and post-accident conditions - Part 1: General requirements
83	IEC 60951-2:2009	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị quan trọng về an toàn - Giám sát bức xạ trong điều kiện sự cố và sau sự cố - Phần 2: Thiết bị giám sát liên tục ngoại tuyến phóng xạ trong khí thải và không khí thông gió

		Nuclear power plants - Instrumentation important to safety - Radiation monitoring for accident and post-accident conditions - Part 2: Equipment for continuous off-line monitoring of radioactivity in gaseous effluents and ventilation air
84	IEC 60951-3:2022	Cơ sở hạt nhân - Hệ thống thiết bị quan trọng về an toàn - Giám sát bức xạ trong điều kiện sự cố và sau sự cố - Phần 3: Thiết bị giám sát gamma liên tục ở phạm vi cao Nuclear facilities - Instrumentation systems important to safety - Radiation monitoring for accident and post-accident conditions - Part 3: Equipment for continuous high range area gamma monitoring
85	IEC 60951-4:2009	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị quan trọng về an toàn - Giám sát bức xạ trong điều kiện sự cố và sau sự cố - Phần 4: Thiết bị giám sát liên tục trực tuyến hoặc nội tuyến phóng xạ trong các luồng quy trình Nuclear power plants - Instrumentation important to safety - Radiation monitoring for accident and post-accident conditions - Part 4: Equipment for continuous in-line or on-line monitoring of radioactivity in process streams
86	IEC 60960:1988	Tiêu chí thiết kế chức năng cho hệ thống hiển thị thông số an toàn cho nhà máy điện hạt nhân Functional design criteria for a safety parameter display system for nuclear power stations
87	IEC 60987:2021	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Yêu cầu về phần cứng Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Hardware requirements

88	IEC 60988:2009	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị quan trọng về an toàn - Hệ thống giám sát âm thanh để phát hiện các bộ phận lỏng lẻo: đặc điểm, tiêu chí thiết kế và quy trình vận hành Nuclear power plants - Instrumentation important to safety - Acoustic monitoring systems for detection of loose parts: characteristics, design criteria and operational procedures
89	IEC 61225:2025	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo, điều khiển và điện - Yêu cầu đối với hệ thống cung cấp điện DC và AC tĩnh không bị gián đoạn Nuclear power plants - Instrumentation, control and electrical power systems - Requirements for static uninterruptible DC and AC power supply systems
90	IEC 61226:2020	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo, điều khiển và điện quan trọng về an toàn - Phân loại chức năng và phân loại hệ thống Nuclear power plants - Instrumentation, control and electrical power systems important to safety - Categorization of functions and classification of systems
91	IEC 61227:2008	Nhà máy điện hạt nhân - Phòng điều khiển - Kiểm soát nhân viên vận hành Nuclear power plants - Control rooms - Operator controls
92	IEC 61250:1994	Lò phản ứng hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Phát hiện rò rỉ trong hệ thống làm mát Nuclear reactors - Instrumentation and control systems important for safety - Detection of leakage in coolant systems
93	IEC 61468:2021	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo quan trọng về an toàn - Đo trong vùng hoạt: Đặc điểm và phương pháp thử nghiệm của máy dò neutron tự cấp nguồn

		Nuclear power plants - Instrumentation systems important to safety - In-core instrumentation: Characteristics and test methods of self-powered neutron detectors
94	IEC 61343:1996	Thiết bị đo lường lò phản ứng hạt nhân - Lò phản ứng nước nhẹ sôi (BWR) - Các phép đo trong bình lò phản ứng để theo dõi quá trình làm mát thích hợp bên trong lõi
95	IEC 61497:1998	Nhà máy điện hạt nhân - Khóa điện liên động cho các chức năng quan trọng về an toàn - Khuyến nghị về thiết kế và triển khai Nuclear power plants - Electrical interlocks for functions important to safety - Recommendations for design and implementation
96	IEC 61500:2018	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Truyền dữ liệu trong các hệ thống thực hiện chức năng loại A Nuclear power plants - Instrumentation and control systems important to safety - Data communication in systems performing category A functions
97	IEC 61501:1998	Thiết bị đo của lò phản ứng hạt nhân - Máy đo tốc độ dòng neutron phạm vi rộng - Phương pháp điện áp bình phương trung bình Nuclear reactor instrumentation - Wide range neutron fluence rate meter - Mean square voltage method
98	IEC 61502:1999	Nhà máy điện hạt nhân - Lò phản ứng nước áp suất - Giám sát độ rung của các cấu trúc bên trong Nuclear power plants - Pressurized water reactors - Vibration monitoring of internal structures

99	IEC 61513:2011	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Yêu cầu chung đối với hệ thống Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - General requirements for systems
100	IEC 61771:1995	Nhà máy điện hạt nhân - Phòng điều khiển chính - Kiểm tra và xác nhận thiết kế Nuclear power plants - Main control-room - Verification and validation of design
101	IEC 61772:2009	Nhà máy điện hạt nhân - Phòng điều khiển - Ứng dụng thiết bị hiển thị hình ảnh (VDU) Nuclear power plants - Control rooms - Application of visual display units (VDUs)
102	IEC 61839:2000	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết kế phòng điều khiển - Phân tích và phân công chức năng Nuclear power plants - Design of control rooms - Functional analysis and assignment
103	IEC 61888:2002	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị quan trọng về an toàn - Xác định và duy trì điểm đặt dừng lò Nuclear power plants - Instrumentation important to safety - Determination and maintenance of trip setpoints
104	IEC 62003:2020	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo, điều khiển và điện - Yêu cầu về thử nghiệm khả năng tương thích điện từ Nuclear power plants - Instrumentation, control and electrical power systems - Requirements for electromagnetic compatibility testing
105	IEC 62117:1999	Thiết bị đo của lò phản ứng hạt nhân - Lò phản ứng nước nhẹ áp suất (PWR) - Theo dõi quá trình làm mát đầy đủ bên trong vùng hoạt trong quá trình dừng lạnh

		Nuclear reactor instrumentation - Pressurized light water reactors (PWR) - Monitoring adequate cooling within the core during cold shutdown
106	IEC 62138:2018	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Các khía cạnh phần mềm cho các hệ thống dựa trên máy tính thực hiện các chức năng loại B hoặc C Nuclear power plants - Instrumentation and control systems important to safety - Software aspects for computer-based systems performing category B or C functions
107	IEC 62241:2004	Nhà máy điện hạt nhân - Phòng điều khiển chính - Chức năng báo động và trình bày Nuclear power plants - Main control room - Alarm functions and presentation
108	IEC 62340:2007	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Yêu cầu ứng phó với sai hỏng cùng nguyên nhân (CCF) Nuclear power plants - Instrumentation and control systems important to safety - Requirements for coping with common cause failure (CCF)
109	IEC 62342:2007	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Quản lý lão hóa Nuclear power plants - Instrumentation and control systems important to safety - Management of ageing
110	IEC 62385:2007	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Phương pháp đánh giá hiệu suất của các kênh thiết bị hệ thống an toàn Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Methods for assessing the performance of safety system instrument channels

111	IEC 62397:2022	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Máy dò nhiệt độ điện trở Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Resistance temperature detectors
112	IEC 62465:2010	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Quản lý quá trình lão hóa của hệ thống cáp điện Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Management of ageing of electrical cabling systems
113	IEC 62566-2:2020	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Phát triển mạch tích hợp được lập trình HDL - Phần 2: Mạch tích hợp được lập trình HDL cho các hệ thống thực hiện chức năng loại B hoặc C Nuclear power plants - Instrumentation and control systems important to safety - Development of HDL-programmed integrated circuits - Part 2: HDL-programmed integrated circuits for systems performing category B or C functions
114	IEC 62566:2012	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Phát triển mạch tích hợp được lập trình HDL cho các hệ thống thực hiện chức năng loại A Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Development of HDL-programmed integrated circuits for systems performing category A functions
115	IEC 62646:2016	Nhà máy điện hạt nhân - Phòng điều khiển - Quy trình dựa trên máy tính Nuclear power plants - Control rooms - Computer-based procedures

116	IEC 62988:2018	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Lựa chọn và sử dụng thiết bị không dây Nuclear power plants - Instrumentation and control systems important to safety - Selection and use of wireless devices
117	IEC 62651:2013	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị quan trọng về an toàn - Cặp nhiệt điện: đặc điểm và phương pháp thử nghiệm Nuclear power plants - Instrumentation important to safety - Thermocouples: characteristics and test methods
118	IEC 62671:2013; IEC 62671:2013/COR1:2016	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Lựa chọn và sử dụng các thiết bị kỹ thuật số công nghiệp có chức năng hạn chế Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Selection and use of industrial digital devices of limited functionality
119	IEC 62765-1:2015	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Quản lý quá trình lão hóa của cảm biến và máy phát - Phần 1: Máy phát áp suất Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Management of ageing of sensors and transmitters - Part 1: Pressure transmitters
120	IEC 62765-2:2019	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Quản lý quá trình lão hóa của cảm biến và máy phát - Phần 2: Cảm biến nhiệt độ Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Management of ageing of sensors and transmitters - Part 2: Temperature sensors

121	IEC 62808:2015; IEC 62808:2015/AMD1:2018	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Thiết kế và chứng nhận các thiết bị cách ly Nuclear power plants - Instrumentation and control systems important to safety - Design and qualification of isolation devices ; Amendment 1 - Nuclear power plants - Instrumentation and control systems important to safety - Design and qualification of isolation devices
122	IEC 62855:2016	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống điện - Phân tích hệ thống điện Nuclear power plants - Electrical power systems - Electrical power systems analysis
123	IEC 62859:2016/AMD1:2019	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển - Yêu cầu phối hợp an toàn và an ninh mạng Nuclear power plants - Instrumentation and control systems - Requirements for coordinating safety and cybersecurity Amendment 1 - Nuclear power plants - Instrumentation and control systems - Requirements for coordinating safety and cybersecurity
124	IEC 62887:2018	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo quan trọng về an toàn - Máy truyền áp suất: Đặc điểm và phương pháp thử nghiệm Nuclear power plants - Instrumentation systems important to safety - Pressure transmitters: Characteristics and test methods
125	IEC 62954:2019	Nhà máy điện hạt nhân - Phòng điều khiển - Yêu cầu đối với cơ sở ứng phó khẩn cấp Nuclear power plants - Control rooms - Requirements for emergency response facilities
126	IEC 62988:2018	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống điện - Yêu cầu chung

		Nuclear power plants - Electrical power system - General requirements
127	IEC 63096:2020	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo, điều khiển và điện - Kiểm soát an ninh Nuclear power plants - Instrumentation, control and electrical power systems - Security controls
128	IEC 63147:2017	Tiêu chí cho thiết bị giám sát sự cố cho các nhà máy điện hạt nhân Criteria for accident monitoring instrumentation for nuclear power generating stations
129	IEC 63186:2021	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Tiêu chí cho hệ thống dừng khẩn cấp khi có động đất Nuclear power plants - Instrumentation and control systems important to safety - Criteria for seismic trip system
130	IEC 63298:2024	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống điện - Phối hợp và tương tác với lưới điện Nuclear power plants - Electrical power systems - Coordination and interaction with electric grid
131	IEC TR 61838:2009	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Sử dụng đánh giá an toàn xác suất để phân loại chức năng Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Use of probabilistic safety assessment for the classification of functions
132	IEC TR 62096:2009	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Hướng dẫn quyết định hiện đại hóa Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Guidance for the decision on modernization

133	IEC TR 62235:2005	Cơ sở hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Hệ thống lưu trữ tạm thời và kho chứa cuối cùng của nhiên liệu và chất thải hạt nhân Nuclear facilities - Instrumentation and control systems important to safety - Systems of interim storage and final repository of nuclear fuel and waste
134	IEC TR 62987:2015	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Sử dụng Phân tích chế độ và tác động lỗi (FMEA) và các phương pháp liên quan để hỗ trợ biện minh cho các hệ thống Nuclear power plants - Instrumentation and control systems important to safety - Use of Failure Mode and Effects Analysis (FMEA) and related methods to support the justification of systems
135	IEC TR 63084:2017	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Chứng nhận nền tảng cho các hệ thống quan trọng về an toàn Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Platform qualification for systems important to safety
136	IEC TR 63123:2017	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo, điều khiển và điện - Hướng dẫn áp dụng IEC 63147:2017/IEEE Std 497™ -2016 trong khuôn khổ IAEA/IEC Nuclear power plants - Instrumentation, control and electrical power systems - Guidance for the application of IEC 63147:2017/IEEE Std 497™ -2016 in the IAEA / IEC framework
137	IEC TR 63192:2019	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Phân tích mối nguy: Tổng quan về các phương pháp tiếp cận hiện tại

		Nuclear power plants - Instrumentation and control systems important to safety - Hazard analysis: A review of current approaches
138	IEC TR 63214:2019	Nhà máy điện hạt nhân - Phòng điều khiển - Kỹ thuật yếu tố con người Nuclear power plants - Control rooms - Human factors engineering
139	IEC TR 63335:2021	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển, phòng điều khiển và hệ thống điện - Các tính năng cụ thể của lò phản ứng mô-đun nhỏ và nhu cầu liên quan đến tiêu chuẩn Nuclear power plants - Instrumentation and control systems, control rooms and electrical power systems - Specific features of small modular reactors and needs regarding standards
140	IEC TR 63415:2023	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống đo và điều khiển - Sử dụng các mô hình bảo mật chính thức để thiết kế và đánh giá kiến trúc bảo mật I&C Nuclear Power plants - Instrumentation and control systems - Use of formal security models for I&C security architecture design and assessment
141	IEC/IEEE 62582-1:2024	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Phương pháp giám sát tình trạng thiết bị điện - Phần 1: Tổng quan Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Electrical equipment condition monitoring methods - Part 1: General
142	IEC/IEEE 62582-2:2022	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Phương pháp giám sát tình trạng thiết bị điện - Phần 2: Đo bằng máy đo Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Electrical equipment condition monitoring methods - Part 2: Indenter measurements

143	IEC/IEEE 62582-3:2024	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Phương pháp giám sát tình trạng thiết bị điện - Phần 3: Độ giãn dài khi đứt Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Electrical equipment condition monitoring methods - Part 3: Elongation at break
144	IEC/IEEE 62582-4:2022	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Phương pháp giám sát tình trạng thiết bị điện - Phần 4: Kỹ thuật cảm ứng oxy hóa Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Electrical equipment condition monitoring methods - Part 4: Oxidation induction techniques
145	IEC/IEEE 62582-5:2015	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Phương pháp giám sát tình trạng thiết bị điện - Phần 5: Phản xạ miền thời gian quang học Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Electrical equipment condition monitoring methods - Part 5: Optical time domain reflectometry
146	IEC/IEEE 62582-6:2019	Nhà máy điện hạt nhân - Thiết bị đo và điều khiển quan trọng về an toàn - Phương pháp giám sát tình trạng thiết bị điện - Phần 6: Điện trở cách điện Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Electrical equipment condition monitoring methods - Part 6: Insulation resistance
147	IEC/IEEE 63332-387:2024	Nhà máy điện hạt nhân - Hệ thống điện - Máy phát điện diesel được sử dụng làm nguồn điện dự phòng Nuclear facilities - Electrical power systems - Diesel generator units applied as standby power sources
148	ISO 4917-1:2024	Thiết kế nhà máy điện hạt nhân chống lại các sự kiện địa chấn - Phần 1: Nguyên tắc

		Design of nuclear power plants against seismic events - Part 1: Principles
149	ISO 4917-3:2024	Thiết kế nhà máy điện hạt nhân chống lại các hiện tượng địa chấn - Phần 3: Kết cấu dân dụng Design of nuclear power plants against seismic events - Part 3: Civil structures
150	ISO 4917-4:2024	Thiết kế nhà máy điện hạt nhân chống lại các sự kiện địa chấn - Phần 4: Các thành phần Design of nuclear power plants against seismic events - Part 4: Components
151	ISO 4917-5:2024	Thiết kế các nhà máy điện hạt nhân chống lại các sự kiện địa chấn - Phần 5: Thiết bị đo địa chấn Design of nuclear power plants against seismic events - Part 5: Seismic instrumentation
152	ISO 4917-6:2024	Thiết kế nhà máy điện hạt nhân chống chịu động đất - Phần 6: Các biện pháp sau động đất Design of nuclear power plants against seismic events - Part 6: Post-seismic measures
	D. Lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu	
153	IAEA, SSG-10 (Rev. 1), 2023	Quản lý lão hóa lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu Ageing Management for Research Reactors
154	IAEA, SSG-22 (Rev. 1), 2023	Sử dụng phương pháp tiếp cận theo cấp độ trong việc áp dụng các yêu cầu an toàn đối với lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu Use of a Graded Approach in the Application of the Safety Requirements for Research Reactors

155	IAEA, SSG-24 (Rev. 1), 2022	An toàn trong khai thác, cải tạo và nâng cấp lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu Safety in the Utilization and Modification of Research Reactors
156	IAEA, SSG-37 (Rev. 1), 2023	Hệ thống đo và điều khiển và các phần mềm quan trọng về an toàn lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu Instrumentation and Control Systems and Software Important to Safety for Research Reactors
157	IAEA, SSG-81, 2023	Bảo trì, kiểm tra định kỳ và thử nghiệm lò phản ứng nghiên cứu Maintenance, Periodic Testing and Inspection of Research Reactors
158	IAEA, SSG-82, 2023	Quản lý vùng hoạt và xử lý nhiên liệu đối với lò phản ứng nghiên cứu Core Management and Fuel Handling for Research Reactors
159	IAEA, SSG-83, 2023	Giới hạn và điều kiện vận hành và quy trình vận hành đối với lò phản ứng nghiên cứu Operational Limits and Conditions and Operating Procedures for Research Reactors
160	IAEA, SSG-84, 2023	Tổ chức vận hành, tuyển dụng, đào tạo và đánh giá năng lực nhân sự đối với lò phản ứng nghiên cứu The Operating Organization and the Recruitment, Training and Qualification of Personnel for Research Reactors
161	IAEA, SSG-85, 2023	Bảo vệ bức xạ và quản lý chất thải phóng xạ trong thiết kế và vận hành lò phản ứng nghiên cứu Radiation Protection and Radioactive Waste Management in the Design and Operation of Research Reactors

	E. Danh mục tiêu chuẩn về công nghệ hạt nhân, quy trình, lắp đặt	
162	ISO 10276:2019	Năng lượng hạt nhân - Công nghệ nhiên liệu - Hệ thống Trunnion cho các gói hàng được sử dụng để vận chuyển vật liệu phóng xạ Nuclear energy - Fuel technology - Trunnion systems for packages used to transport radioactive material
163	ISO 10981:2004	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Xác định urani trong dung dịch hòa tan nhà máy tái chế - Phương pháp sắc ký lỏng Nuclear fuel technology - Determination of uranium in reprocessing-plant dissolver solution - Liquid chromatography method
164	ISO 11311:2011 Amd 1:2022	An toàn tới hạn hạt nhân - Giá trị tới hạn đối với hỗn hợp nhiên liệu plutoni-uranium oxide đồng nhất bên ngoài lò phản ứng Nuclear criticality safety - Critical values for homogeneous plutonium-uranium oxide fuel mixtures outside of reactors
165	ISO 11320:2011	An toàn tới hạn hạt nhân - Chuẩn bị và ứng phó khẩn cấp Nuclear criticality safety - Emergency preparedness and response
166	ISO 11482:1993	Hướng dẫn lấy mẫu plutonium dioxide (PuO_2) trong nhà máy tái xử lý hạt nhân Guidelines for plutonium dioxide (PuO_2) sampling in a nuclear reprocessing plant
167	ISO 11483:2005	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Chuẩn bị nguồn plutoni và xác định tỷ lệ đồng vị ^{238}Pu / ^{239}Pu bằng quang phổ alpha

		Nuclear fuel technology - Preparation of plutonium sources and determination of $^{238}\text{Pu}/^{239}\text{Pu}$ isotope ratio by alpha spectrometry
168	ISO 11599:1997	Xác định độ xốp khí và độ thấm khí của chất kết dính thủy lực có chứa chất thải phóng xạ nhúng Determination of gas porosity and gas permeability of hydraulic binders containing embedded radioactive waste
169	ISO 12183:2024	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Phép đo điện lượng có kiểm soát thế năng của plutoni Nuclear fuel technology - Controlled-potential coulometric measurement of plutonium
170	ISO 12799:2015	Năng lượng hạt nhân - Xác định hàm lượng nitơ trong viên thiêu kết UO_2 , (U, Gd) O_2 và (U, Pu) O_2 - Phương pháp chiết xuất khí trơ và phát hiện độ dẫn điện Nuclear energy - Determination of nitrogen content in UO_2 , (U,Gd) O_2 and (U,Pu) O_2 sintered pellets - Inert gas extraction and conductivity detection method
171	ISO 12803:1997	Lấy mẫu đại diện dung dịch plutoni nitrat để xác định nồng độ plutoni Representative sampling of plutonium nitrate solutions for determination of plutonium concentration
172	ISO 12807:2018	Vận chuyển an toàn vật liệu phóng xạ - Kiểm tra rò rỉ trên bao bì Safe transport of radioactive materials - Leakage testing on packages
173	ISO 13463:1999	Bột plutonium dioxide cấp hạt nhân để chế tạo nhiên liệu MOX lò phản ứng nước nhẹ - Hướng dẫn giúp xác định thông số kỹ thuật sản phẩm Nuclear-grade plutonium dioxide powder for fabrication of light water reactor MOX fuel - Guidelines to help in the definition of a product specification

174	ISO 13464:1998	Xác định đồng thời urani và plutoni trong dung dịch hòa tan từ các nhà máy tái chế - Phương pháp kết hợp sử dụng cạnh hấp thụ K và quang phổ huỳnh quang tia X Simultaneous determination of uranium and plutonium in dissolver solutions from reprocessing plants - Combined method using K-absorption edge and X-ray fluorescence spectrometry
175	ISO 13465:2024	Năng lượng hạt nhân - Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Xác định neptunium trong dung dịch axit nitric bằng quang phổ Nuclear energy - Nuclear fuel technology - Determination of neptunium in nitric acid solutions by spectrophotometry
176	ISO 15366-1:2014	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Tách và tinh chế hóa học urani và plutoni trong dung dịch axit nitric để phân tích pha loãng đồng vị và đồng vị bằng sắc ký chiết xuất dung môi - Phần 1: Các mẫu có chứa plutoni trong phạm vi microgram và urani trong phạm vi miligam Nuclear fuel technology - Chemical separation and purification of uranium and plutonium in nitric acid solutions for isotopic and isotopic dilution analysis by solvent extraction chromatography - Part 1: Samples containing plutonium in the microgram range and uranium in the milligram range
177	ISO 15366-2:2014	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Tách hóa học và tinh chế urani và plutoni trong dung dịch axit nitric để phân tích pha loãng đồng vị và đồng vị bằng sắc ký chiết xuất dung môi - Phần 2: Các mẫu có chứa plutoni và urani trong phạm vi nanogam trở xuống Nuclear fuel technology - Chemical separation and purification of uranium and plutonium in nitric acid solutions for isotopic and isotopic dilution analysis by solvent

		extraction chromatography - Part 2: Samples containing plutonium and uranium in the nanogram range and below
178	ISO 15646:2014	Thử nghiệm thiêu kết lại cho viên UO_2 , (U, Gd) O_2 và (U, Pu) O_2 Re-sintering test for UO_2 , (U,Gd) O_2 and (U,Pu) O_2 pellets
179	ISO 15647:2004	Năng lượng hạt nhân - Phân tích đồng vị của uranium hexafluoride - Phương pháp khối phổ nguồn khí tiêu chuẩn kép Nuclear energy - Isotopic analysis of uranium hexafluoride - Double-standard gas-source mass spectrometric method
180	ISO 15651:2015	Năng lượng hạt nhân - Xác định tổng hàm lượng hydro trong bột PuO_2 và UO_2 và các viên thiêu kết UO_2 , (U, Gd) O_2 và (U, Pu) O_2 - Phương pháp chiết xuất khí trơ và phát hiện độ dẫn điện Nuclear energy - Determination of total hydrogen content in PuO_2 and UO_2 powders and UO_2 , (U,Gd) O_2 and (U,Pu) O_2 sintered pellets - Inert gas extraction and conductivity detection method
181	ISO 16117:2013	An toàn tới hạn hạt nhân - Ước tính số lần phân hạch của một sự cố tới hạn được giả định Nuclear criticality safety - Estimation of the number of fissions of a postulated criticality accident
182	ISO 16424:2012	Năng lượng hạt nhân - Đánh giá tính đồng nhất của sự phân bố Gd trong hỗn hợp nhiên liệu gadolinium và xác định hàm lượng Gd_2O_3 trong viên nhiên liệu gadolinium bằng phép đo các nguyên tố urani và gadolinium

		Nuclear energy - Evaluation of homogeneity of Gd distribution within gadolinium fuel blends and determination of Gd ₂ O ₃ content in gadolinium fuel pellets by measurements of uranium and gadolinium elements
183	ISO 16793:2018	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Hướng dẫn chuẩn bị đồ điện tử của viên thiêu kết UO ₂ để kiểm tra cấu trúc vi mô Nuclear fuel technology - Guidelines for ceramographic preparation of UO ₂ sintered pellets for microstructure examination
184	ISO 16794:2003	Năng lượng hạt nhân - Xác định các hợp chất cacbon và florua trong quang phổ hồng ngoại urani hexafluoride Nuclear energy - Determination of carbon compounds and fluorides in uranium hexafluoride infrared spectrometry
185	ISO 16795:2024	Năng lượng hạt nhân - Xác định hàm lượng Gd ₂ O ₃ trong viên nén có chứa oxit urani bằng quang phổ huỳnh quang tia X Nuclear energy - Determination of Gd ₂ O ₃ content in pellets containing uranium oxide by X-ray fluorescence spectrometry
186	ISO 16796:2022	Năng lượng hạt nhân - Xác định hàm lượng Gd ₂ O ₃ trong hỗn hợp nhiên liệu gadolinium và viên nhiên liệu gadolinium bằng quang phổ phát xạ nguyên tử sử dụng nguồn plasma ghép cảm ứng (ICP-AES) Nuclear energy - Determination of Gd ₂ O ₃ content in gadolinium fuel blends and gadolinium fuel pellets by atomic emission spectrometry using an inductively coupled plasma source (ICP-AES)

187	ISO 16797:2004	Năng lượng hạt nhân - Thử nghiệm độ bền hóa học chế độ Soxhlet - Ứng dụng cho ma trận thủy tinh hóa cho chất thải phóng xạ mức cao Nuclear energy - Soxhlet-mode chemical durability test - Application to vitrified matrixes for high-level radioactive waste
188	ISO 16966:2013	Năng lượng hạt nhân - Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Phương pháp tính toán kích hoạt lý thuyết để đánh giá tính phóng xạ của chất thải hoạt tính được tạo ra tại các lò phản ứng hạt nhân Nuclear energy - Nuclear fuel technology - Theoretical activation calculation method to evaluate the radioactivity of activated waste generated at nuclear reactors
189	ISO 18213-1:2007	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Hiệu chuẩn bể chứa và xác định thể tích cho kế toán vật liệu hạt nhân - Phần 1: Tổng quan về thủ tục Nuclear fuel technology - Tank calibration and volume determination for nuclear materials accountancy - Part 1: Procedural overview
190	ISO 18213-2:2007	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Hiệu chuẩn bể và xác định thể tích cho kế toán vật liệu hạt nhân - Phần 2: Tiêu chuẩn hóa dữ liệu để hiệu chuẩn bể Nuclear fuel technology - Tank calibration and volume determination for nuclear materials accountancy - Part 2: Data standardization for tank calibration
191	ISO 18213-3:2009	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Hiệu chuẩn bể chứa và xác định thể tích cho kế toán vật liệu hạt nhân - Phần 3: Phương pháp thống kê Nuclear fuel technology - Tank calibration and volume determination for nuclear materials accountancy - Part 3: Statistical methods

192	ISO 18213-4:2008	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Hiệu chuẩn bể và xác định thể tích cho kế toán vật liệu hạt nhân - Phần 4: Xác định chính xác chiều cao chất lỏng trong bể kế toán được trang bị ống nhúng, tốc độ sủi bọt chậm Nuclear fuel technology - Tank calibration and volume determination for nuclear materials accountancy - Part 4: Accurate determination of liquid height in accountancy tanks equipped with dip tubes, slow bubbling rate
193	ISO 18213-5:2008	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Hiệu chuẩn bể và xác định thể tích cho kế toán vật liệu hạt nhân - Phần 5: Xác định chính xác chiều cao chất lỏng trong bể kế toán được trang bị ống nhúng, tốc độ sủi bọt nhanh Nuclear fuel technology - Tank calibration and volume determination for nuclear materials accountancy - Part 5: Accurate determination of liquid height in accountancy tanks equipped with dip tubes, fast bubbling rate
194	ISO 18213-6:2008	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Hiệu chuẩn bể và xác định thể tích cho kế toán vật liệu hạt nhân - Phần 6: Xác định chính xác mật độ chất lỏng trong bể trong bể được trang bị ống nhúng Nuclear fuel technology - Tank calibration and volume determination for nuclear materials accountancy - Part 6: Accurate in-tank determination of liquid density in accountancy tanks equipped with dip tubes
195	ISO 18256-1:2019	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Hòa tan các vật liệu chứa plutoni dioxide - Phần 1: Hòa tan bột plutonium dioxide Nuclear fuel technology - Dissolution of plutonium dioxide-containing materials - Part 1: Dissolution of plutonium dioxide powders

196	ISO 18256-2:2019	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Hòa tan các vật liệu chứa plutonium dioxide - Phần 2: Hòa tan các viên và bột MOX Nuclear fuel technology - Dissolution of plutonium dioxide-containing materials - Part 2: Dissolution of MOX pellets and powders
197	ISO 18315:2018	Năng lượng hạt nhân - Hướng dẫn đánh giá độ không chắc chắn đo tạp chất trong dung dịch uranium bằng phân tích hồi quy tuyến tính Nuclear energy - Guidance to the evaluation of measurement uncertainties of impurity in uranium solution by linear regression analysis
198	ISO 21238:2007	Năng lượng hạt nhân - Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Phương pháp hệ số tỷ lệ để xác định tính phóng xạ của các gói chất thải phóng xạ cấp thấp và trung bình được tạo ra tại các nhà máy điện hạt nhân Nuclear energy - Nuclear fuel technology - Scaling factor method to determine the radioactivity of low- and intermediate-level radioactive waste packages generated at nuclear power plants
199	ISO 21391:2019	An toàn tới hạn hạt nhân - Kích thước hình học để kiểm soát độ tới hạn dưới - Thiết bị và bố trí Nuclear criticality safety - Geometrical dimensions for subcriticality control - Equipment and layout
200	ISO 21483:2013	Xác định độ hòa tan trong axit nitric của plutoni trong viên nhiên liệu oxit hỗn hợp không chiếu xạ (U, Pu) O ₂ Determination of solubility in nitric acid of plutonium in unirradiated mixed oxide fuel pellets (U, Pu) O ₂

201	ISO 21484:2017	Năng lượng hạt nhân - Công nghệ nhiên liệu - Xác định tỷ lệ O / M trong viên MOX bằng phương pháp trọng lượng Nuclear Energy - Fuel technology - Determination of the O/M ratio in MOX pellets by the gravimetric method
202	ISO 21613:2015	(U, Pu)O ₂ Bột và viên thiêu kết - Xác định clo và flo (U, Pu)O ₂ Powders and sintered pellets - Determination of chlorine and fluorine
203	ISO 21614:2008	Xác định hàm lượng cacbon trong bột UO ₂ , (U, Gd) O ₂ và (U, Pu) O ₂ và viên thiêu kết - Đốt cháy trong lò cảm ứng tần số cao - Quang phổ hấp thụ hồng ngoại Determination of carbon content of UO ₂ , (U, Gd)O ₂ and (U, Pu)O ₂ powders and sintered pellets - Combustion in a high-frequency induction furnace - Infrared absorption spectrometry
204	ISO 21847-1:2007	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Quang phổ Alpha - Phần 1: Xác định neptunium trong uranium và các hợp chất của nó Nuclear fuel technology - Alpha spectrometry - Part 1: Determination of neptunium in uranium and its compounds
205	ISO 21847-2:2007	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Phép đo quang phổ Alpha - Phần 2: Xác định plutonium trong uranium và các hợp chất của nó Nuclear fuel technology - Alpha spectrometry - Part 2: Determination of plutonium in uranium and its compounds
206	ISO 21847-3:2007	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Quang phổ Alpha - Phần 3: Xác định urani 232 trong urani và các hợp chất của nó

		Nuclear fuel technology - Alpha spectrometry - Part 3: Determination of uranium 232 in uranium and its compounds
207	ISO 22765:2025	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Viên thiêu kết (U,Pu)O ₂ - Hướng dẫn chuẩn bị ceramographic để kiểm tra cấu trúc vi mô Nuclear fuel technology - Sintered (U,Pu)O ₂ pellets - Guidance for ceramographic preparation for microstructure examination
208	ISO 22875:2017	Năng lượng hạt nhân - Xác định clo và flo trong bột urani điôxít và viên thiêu kết Nuclear energy - Determination of chlorine and fluorine in uranium dioxide powder and sintered pellets
209	ISO 22946:2020	An toàn tới hạn hạt nhân - Chất thải rắn không bao gồm nhiên liệu hạt nhân được chiếu xạ và không chiếu xạ Nuclear criticality safety - Solid waste excluding irradiated and non-irradiated nuclear fuel
210	ISO 23133:2021	An toàn tới hạn hạt nhân - Đào tạo an toàn tới hạn hạt nhân cho vận hành Nuclear criticality safety - Nuclear criticality safety training for operations
211	ISO 24459:2021	Xác định hàm lượng urani trong các mẫu đến từ chu trình nhiên liệu hạt nhân bằng quang phổ cạnh hấp thụ L Determination of uranium content in samples coming from the nuclear fuel cycle by L-absorption edge spectrometry
212	ISO 26062:2010	Công nghệ hạt nhân - Nhiên liệu hạt nhân - Quy trình đo các tạp chất nguyên tố trong vật liệu dựa trên uranium và plutoni bằng khối phổ plasma kết hợp cảm ứng

		Nuclear technology - Nuclear fuels - Procedures for the measurement of elemental impurities in uranium- and plutonium-based materials by inductively coupled plasma mass spectrometry
213	ISO 27468:2011	An toàn tới hạn hạt nhân - Đánh giá các hệ thống có chứa nhiên liệu PWR UOX - Phương pháp tiếp cận tín dụng đốt cháy giới hạn Nuclear criticality safety - Evaluation of systems containing PWR UOX fuels - Bounding burnup credit approach
214	ISO 6863:2024	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Chuẩn bị thêm chuẩn cho khối phổ pha loãng đồng vị (IDMS) Nuclear fuel technology - Preparation of spikes for isotope dilution mass spectrometry (IDMS)
215	ISO 7097-1:2025	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Xác định urani trong dung dịch, urani hexafluoride và chất rắn - Phần 1: Phương pháp đo chuẩn độ khử sắt (II) / oxy hóa kali dicromat Nuclear fuel technology - Determination of uranium in solutions, uranium hexafluoride and solids - Part 1: Iron(II) reduction/potassium dichromate oxidation titrimetric method
216	ISO 7097-2:2022	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Xác định urani trong dung dịch, urani hexafluoride và chất rắn - Phần 2: Phương pháp chuẩn độ khử sắt (II) / oxy hóa xeri (IV) Nuclear fuel technology - Determination of uranium in solutions, uranium hexafluoride and solids - Part 2: Iron(II) reduction/cerium (IV) oxidation titrimetric method
217	ISO 7195:2020	Năng lượng hạt nhân - Bao bì vận chuyển uranium hexafluoride (UF ₆) Nuclear energy - Packagings for the transport of uranium hexafluoride (UF ₆)

218	ISO 7476:2003	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Xác định urani trong dung dịch uranyl nitrat có chất lượng hạt nhân - Phương pháp trọng lượng Nuclear fuel technology - Determination of uranium in uranyl nitrate solutions of nuclear grade quality - Gravimetric method
219	ISO 8298:2000	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Xác định lượng miligam plutoni trong dung dịch axit nitric - Chuẩn độ điện thế với kali dicromat sau khi oxy hóa bằng Ce(IV) và khử bằng Fe(II) Nuclear fuel technology - Determination of milligram amounts of plutonium in nitric acid solutions - Potentiometric titration with potassium dichromate after oxidation by Ce(IV) and reduction by Fe(II)
220	ISO 8299:2019	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Xác định nồng độ đồng vị và nguyên tố urani và plutoni của vật liệu hạt nhân trong dung dịch axit nitric bằng khối phổ ion hóa nhiệt Nuclear fuel technology - Determination of the isotopic and elemental uranium and plutonium concentrations of nuclear materials in nitric acid solutions by thermal-ionization mass spectrometry
221	ISO 8300:2013	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Xác định hàm lượng plutonium trong plutonium dioxide của chất lượng hạt nhân - Phương pháp trọng lượng Nuclear fuel technology - Determination of plutonium content in plutonium dioxide of nuclear grade quality - Gravimetric method
222	ISO 8425:2013	Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Xác định plutoni trong dung dịch plutoni nitrat tinh khiết - Phương pháp trọng lượng

		Nuclear fuel technology - Determination of plutonium in pure plutonium nitrate solutions - Gravimetric method
223	ISO 9005:2007	Năng lượng hạt nhân - Bột urani điôxít và viên thiêu kết - Xác định tỷ lệ nguyên tử oxy/urani bằng phương pháp amperometric Nuclear energy - Uranium dioxide powder and sintered pellets - Determination of oxygen/uranium atomic ratio by the amperometric method
224	ISO 9463:2019	Năng lượng hạt nhân - Công nghệ nhiên liệu hạt nhân - Xác định plutoni trong dung dịch axit nitric bằng phép đo quang phổ Nuclear energy - Nuclear fuel technology - Determination of plutonium in nitric acid solutions by spectrophotometry
225	ISO 9889:1994	Xác định hàm lượng cacbon trong bột urani điôxít và viên thiêu kết - Đốt cháy lò điện trở - Phương pháp hấp thụ điện/ coulometric / hồng ngoại Determination of carbon content in uranium dioxide powder and sintered pellets - Resistance furnace combustion - Titrimetric/coulometric/infrared absorption method
226	ISO 9891:1994	Xác định hàm lượng cacbon trong bột uranium dioxide và viên thiêu kết - Đốt lò cảm ứng tần số cao - Phương pháp hấp thụ điện / coulometric / hồng ngoại Determination of carbon content in uranium dioxide powder and sintered pellets - High-frequency induction furnace combustion - Titrimetric/coulometric/infrared absorption methods
227	ISO 9892:1992	Kim loại urani, bột và viên urani điôxít, và dung dịch uranyl nitrat - Xác định hàm lượng flo - Phương pháp điện cực chọn lọc ion florua

		Uranium metal, uranium dioxide powder and pellets, and uranyl nitrate solutions - Determination of fluorine content - Fluoride ion selective electrode method
228	ISO 9894:1996	Lấy mẫu phụ urani hexafluoride trong pha lỏng Subsampling of uranium hexafluoride in the liquid phase
	G. Bảo vệ bức xạ và phóng xạ môi trường	
229	IAEA, GSG-3	Hồ sơ an toàn và đánh giá an toàn đối với cơ sở quản lý chất thải phóng xạ trước khi chôn cất The Safety Case and Safety Assessment for the Predisposal Management of Radioactive Waste
230	IAEA, GSG-19, 2025	Quan trắc nhằm bảo vệ công chúng và môi trường Monitoring for Protection of the Public and the Environment
231	IAEA, SSG-57, 2020	An toàn bức xạ trong địa vật lý giếng khoan Radiation Safety in Well Logging
232	IAEA, SSG-1 (Rev. 1), 2024	Cơ sở chôn lấp nguồn phóng xạ kín đã qua sử dụng bằng hố khoan Borehole Disposal Facilities for Disused Sealed Radioactive Sources
233	IAEA, SSG-11, 2011	An toàn bức xạ đối với chụp ảnh phóng xạ công nghiệp Radiation Safety in Industrial Radiography
234	IAEA, SSG-14:2011	Cơ sở chôn cất chất thải phóng xạ trong tầng địa chất Geological Disposal Facilities for Radioactive Waste

235	IAEA, SSG-15 (Rev. 1), 2020	Lưu giữ nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng Storage of Spent Nuclear Fuel
236	IAEA, SSG-17, 2012	Kiểm soát các nguồn phóng xạ nằm ngoài kiểm soát pháp quy và các vật liệu phóng xạ khác trong ngành công nghiệp tái chế và sản xuất kim loại Control of Orphan Sources and Other Radioactive Material in the Metal Recycling and Production Industries
237	IAEA, SSG-23, 2012	Hồ sơ an toàn và đánh giá an toàn đối với việc chôn cất chất thải phóng xạ The Safety Case and Safety Assessment for the Disposal of Radioactive Waste
238	IAEA, SSG-29, 2014	Cơ sở chôn cất chất thải phóng xạ nông Near Surface Disposal Facilities for Radioactive Waste
239	IAEA, SSG-31, 2014	Giám sát và quan trắc các cơ sở chôn lấp chất thải phóng xạ Monitoring and Surveillance of Radioactive Waste Disposal Facilities
240	IAEA, SSG-32, 2015	Bảo vệ công chúng khỏi chiếu xạ trong nhà do Radon và các nguồn bức xạ tự nhiên khác Protection of the Public against Exposure Indoors due to Radon and Other Natural Sources of Radiation
241	IAEA, SSG-36, 2016	An toàn bức xạ cho sản phẩm tiêu dùng Radiation Safety for Consumer Products
242	IAEA, SSG-55, 2020	An toàn bức xạ đối với các nguồn phóng xạ và thiết bị phát tia X sử dụng cho mục đích soi chiếu ngoài y tế

		Radiation Safety of X-ray Generators and other Radiation Sources Used for Inspection Purposes and for Non-Medical Human Imaging
243	IAEA, SSG-58, 2020	An toàn bức xạ trong đo mức Radiation Safety in the use of Nuclear Gauges
244	IAEA, SSG-59, 2020	An toàn bức xạ trong cơ sở sử dụng máy gia tốc sản xuất đồng vị phóng xạ Radiation Safety of Accelerator Based Radioisotope Production Facilities
245	IAEA, SSG-78, 2023	Đảm bảo tuân thủ đối với việc vận chuyển an toàn vật liệu phóng xạ Compliance Assurance for the Safe Transport of Radioactive Material
246	IAEA, SSG-8, 2010	An toàn bức xạ của các cơ sở chiếu xạ sử dụng tia gamma, electron và tia X Radiation Safety of Gamma, Electron and X ray Irradiation Facilities
247	IAEA, SSG-86, 2023	Chương trình bảo vệ bức xạ trong vận chuyển vật liệu phóng xạ Radiation Protection Programmes for the Transport of Radioactive Material
248	IAEA, SSG-87, 2024	An toàn bức xạ trong sử dụng nguồn bức xạ trong nghiên cứu và đào tạo Radiation Safety in the Use of Radiation Sources in Research and Education
249	IAEA, SSG-91, 2024	Bảo vệ bức xạ đối với nhân viên bị chiếu xạ do Radon Protection of Workers Against Exposure due to Radon
250	IEC 60313:2002	Đầu nối đồng trục được sử dụng trong thiết bị phòng thí nghiệm hạt nhân Coaxial connectors used in nuclear laboratory instrumentation
251	IEC 60325:2002	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Máy đo và màn hình ô nhiễm Alpha, beta và alpha/beta (năng lượng beta >60 keV)

		Radiation protection instrumentation – Alpha, beta and alpha/beta (beta energy >60 keV) contamination meters and monitors
252	IEC 60412:2014	Thiết bị đo hạt nhân - Danh pháp (nhận dạng) chất phát quang và máy dò phát quang và kích thước chuẩn của chất phát quang Nuclear instrumentation - Nomenclature (identification) of scintillators and scintillation detectors and standard dimensions of scintillators
253	IEC 60462:2010	Thiết bị đo hạt nhân - Ống nhân quang điện để đếm nhấp nháy - Quy trình thử nghiệm Nuclear instrumentation - Photomultiplier tubes for scintillation counting - Test procedures
254	IEC 60498:1975	Đầu nối đồng trục điện áp cao được sử dụng trong thiết bị đo hạt nhân High-voltage coaxial connectors used in nuclear instrumentation
255	IEC 60532:2010	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị đo liều lượng, cụm cảnh báo và màn hình được lắp đặt – Bức xạ X và gamma có năng lượng từ 50 keV đến 7 MeV Radiation protection instrumentation – Installed dose rate meters, warning assemblies and monitors – X and gamma radiation of energy between 50 keV and 7 MeV
256	IEC 60600:1979	Thiết bị phân tích đầu mỏ và phân loại quặng phóng xạ trong các thùng chứa Equipment for minehead assay and sorting radioactive ores in containers
257	IEC 60692:1999	Thiết bị đo hạt nhân - Máy đo mật độ sử dụng bức xạ ion hóa - Định nghĩa và phương pháp thử nghiệm Nuclear instrumentation - Density gauges utilizing ionizing radiation - Definitions and test methods

258	IEC 60759:1983 with AMD1:1991	Quy trình thử nghiệm tiêu chuẩn cho máy quang phổ năng lượng tia X bán dẫn Standard test procedures for semiconductor X-ray energy spectrometers
259	IEC 60761-1:2002	Thiết bị giám sát liên tục phóng xạ trong nước thải dạng khí – Phần 1: Yêu cầu chung Equipment for continuous monitoring of radioactivity in gaseous effluents – Part 1: General requirements
260	IEC 60761-2:2002	Thiết bị giám sát liên tục phóng xạ trong nước thải dạng khí – Phần 2: Các yêu cầu cụ thể đối với máy giám sát khí dung phóng xạ bao gồm khí dung siêu urani Equipment for continuous monitoring of radioactivity in gaseous effluents – Part 2: Specific requirements for radioactive aerosol monitors including transuranic aerosols
261	IEC 60761-3:2002	Thiết bị giám sát liên tục phóng xạ trong nước thải dạng khí – Phần 3: Yêu cầu cụ thể đối với máy giám sát khí hiếm phóng xạ Equipment for continuous monitoring of radioactivity in gaseous effluents – Part 3: Specific requirements for radioactive noble gas monitors
262	IEC 60761-4:2002	Thiết bị giám sát liên tục phóng xạ trong nước thải dạng khí – Phần 4: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị giám sát iốt phóng xạ Equipment for continuous monitoring of radioactivity in gaseous effluents – Part 4: Specific requirements for radioactive iodine monitors
263	IEC 60761-5:2002	Thiết bị giám sát liên tục phóng xạ trong nước thải dạng khí – Phần 5: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị giám sát tritium Equipment for continuous monitoring of radioactivity in gaseous effluents – Part 5: Specific requirements for tritium monitors

264	IEC 60846-1:2009	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Máy đo và/hoặc màn hình đo liều tương đương xung quanh và/hoặc định hướng (tỷ lệ) cho bức xạ beta, X và gamma – Phần 1: Máy đo và màn hình di động tại nơi làm việc và môi trường Radiation protection instrumentation – Ambient and/or directional dose equivalent (rate) meters and/or monitors for beta, X and gamma radiation – Part 1: Portable workplace and environmental meters and monitors
265	IEC 60846-2:2015	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Máy đo và/hoặc màn hình đo liều tương đương xung quanh và/hoặc định hướng (tỷ lệ) cho bức xạ beta, X và gamma – Phần 2: Thiết bị đo liều beta và photon tầm cao và tỷ lệ liều di động cho mục đích bảo vệ bức xạ khẩn cấp Radiation protection instrumentation – Ambient and/or directional dose equivalent (rate) meters and/or monitors for beta, X and gamma radiation – Part 2: High range beta and photon dose and dose rate portable instruments for emergency radiation protection purposes
266	IEC 60860:2014	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị cảnh báo sự cố tới hạn Radiation protection instrumentation – Warning equipment for criticality accidents
267	IEC 60861:2006	Thiết bị giám sát chất phóng xạ trong nước thải lỏng và nước mặt Equipment for monitoring of radionuclides in liquid effluents and surface waters
268	IEC 60912:1996	Thiết bị đo hạt nhân - Kết nối bảng điều khiển phía trước ECL (logic ghép nối bộ phát) trong logic đối trọng Nuclear instrumentation - ECL (emitter coupled logic) front panel interconnections in counter logic

269	IEC 60973:1989	Quy trình thử nghiệm cho máy dò tia gamma germanium Test procedures for germanium gamma-ray detectors
270	IEC 60982:1989	Hệ thống đo mức sử dụng bức xạ ion hóa với đầu ra liên tục hoặc chuyển mạch Level measuring systems utilizing ionizing radiation with continuous or switching output
271	IEC 61005:2014	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Máy đo liều tương đương môi trường neutron (tốc độ) Radiation protection instrumentation – Neutron ambient dose equivalent (rate) meters
272	IEC 61017:2016	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị di động, có thể vận chuyển hoặc lắp đặt để đo bức xạ photon nhằm mục đích giám sát môi trường Radiation protection instrumentation – Transportable, mobile or installed equipment to measure photon radiation for environmental monitoring
273	IEC 61098:2023	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị giám sát nhiễm bẩn bề mặt nhân sự được lắp đặt Radiation protection instrumentation – Installed personnel surface contamination monitors
274	IEC 61145:1992	Hiệu chuẩn và sử dụng hệ thống buồng ion hóa để phân tích các chất phóng xạ Calibration and usage of ionization chamber systems for assay of radionuclides
275	IEC 61171:1992	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị giám sát – Iốt phóng xạ trong khí quyển trong môi trường Radiation protection instrumentation – Monitoring equipment – Atmospheric radioactive iodines in the environment
276	IEC 61172:1992	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị giám sát – Khí dung phóng xạ trong môi trường

		Radiation protection instrumentation – Monitoring equipment – Radioactive aerosols in the environment
277	IEC 61239:1993	Thiết bị đo hạt nhân - Máy đo bức xạ gamma di động và máy quang phổ dùng cho thăm dò - Định nghĩa, yêu cầu và hiệu chuẩn Nuclear instrumentation - Portable gamma radiation meters and spectrometers used for prospecting - Definitions, requirements and calibration
278	IEC 61256:1996	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Lắp đặt màn hình để phát hiện ô nhiễm phóng xạ trong đồ giặt Radiation protection instrumentation – Installed monitors for the detection of radioactive contamination of laundry
279	IEC 61275:2013	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Đo các chất phóng xạ rời rạc trong môi trường – Hệ thống quang phổ photon tại chỗ sử dụng máy dò germani Radiation protection instrumentation – Measurement of discrete radionuclides in the environment – In situ photon spectrometry system using a germanium detector
280	IEC 61301:1994	Thiết bị đo hạt nhân - Bus kỹ thuật số cho thiết bị NIM Nuclear instrumentation - Digital bus for NIM instruments
281	IEC 61304:1994	Thiết bị đo hạt nhân - Hệ thống đếm nhấp nháy lỏng - Kiểm tra hiệu suất Nuclear instrumentation - Liquid-scintillation counting systems - Performance verification
282	IEC 61322:2020	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Lắp đặt các thiết bị đo liều tương đương môi trường, cụm cảnh báo và giám sát cho các neutron có năng lượng từ nhiệt đến 20 MeV

		Radiation protection instrumentation – Installed ambient dose equivalent rate meters, warning and monitoring assemblies for neutrons with energies from thermal to 20 MeV
283	IEC 61335:1997	Thiết bị đo hạt nhân - Thiết bị khoan lỗ để phân tích huỳnh quang tia X Nuclear instrumentation - Bore-hole apparatus for X-ray fluorescence analysis
284	IEC 61336:1996	Thiết bị đo hạt nhân - Hệ thống đo độ dày sử dụng bức xạ ion hóa - Định nghĩa và phương pháp thử nghiệm Nuclear instrumentation - Thickness measurement systems utilizing ionizing radiation - Definitions and test methods
285	IEC 61435:2013	Thiết bị đo hạt nhân - Tinh thể germani có độ tinh khiết cao dùng cho máy dò bức xạ - Phương pháp đo các đặc tính cơ bản Nuclear instrumentation - High-purity germanium crystals for radiation detectors - Measurement methods of basic characteristics
286	IEC 61452:2021	Thiết bị đo hạt nhân - Đo hoạt động hoặc tốc độ phát xạ của các chất phóng xạ phát ra tia gamma - Hiệu chuẩn và sử dụng máy quang phổ dựa trên germani Nuclear instrumentation - Measurement of activity or emission rate of gamma-ray emitting radionuclides - Calibration and use of germanium-based spectrometers
287	IEC 61453:2007	Thiết bị đo hạt nhân - Hệ thống máy dò tia gamma nhấp nháy để phân tích các chất phóng xạ - Hiệu chuẩn và thử nghiệm thường quy Nuclear instrumentation - Scintillation gamma ray detector systems for the assay of radionuclides - Calibration and routine tests

288	IEC 61526:2024	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Đo liều lượng tương đương cá nhân đối với bức xạ X, gamma, neutron và beta – Máy đo liều lượng cá nhân chủ động Radiation protection instrumentation – Measurement of personal dose equivalents for X, gamma, neutron and beta radiations – Active personal dosimeters
289	IEC 61559-1:2009	Thiết bị bảo vệ bức xạ trong các cơ sở hạt nhân – Hệ thống tập trung để giám sát liên tục bức xạ và/hoặc mức độ phóng xạ - Phần 1: Yêu cầu chung Radiation protection instrumentation in nuclear facilities – Centralized systems for continuous monitoring of radiation and/or levels of radioactivity – Part 1: General requirements
290	IEC 61560:1998	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị thử nghiệm bức xạ không phá hủy các mẫu lông thú và vải khác Radiation protection instrumentation – Apparatus for non-destructive radiation tests of fur and other cloth samples
291	IEC 61562:2001	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị di động để đo hoạt động cụ thể của các chất phóng xạ phát ra beta trong thực phẩm Radiation protection instrumentation – Portable equipment for measuring specific activity of beta-emitting radionuclides in foodstuffs
292	IEC 61563:2019	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị đo nồng độ hoạt độ của các chất phóng xạ phát xạ gamma trong thực phẩm Radiation protection instrumentation – Equipment for measuring the activity concentration of gamma-emitting radionuclides in foodstuffs

293	IEC 61577-1:2006	Thiết bị đo bảo vệ bức xạ - Thiết bị đo radon và sản phẩm phân rã radon – Phần 1: Nguyên tắc chung Radiation protection instrumentation – Radon and radon decay product measuring instruments – Part 1: General principles
294	IEC 61577-2:2014	Thiết bị đo bảo vệ bức xạ - Thiết bị đo radon và sản phẩm phân rã radon – Phần 2: Các yêu cầu cụ thể đối với thiết bị đo ^{222}Rn và ^{220}Rn Radiation protection instrumentation – Radon and radon decay product measuring instruments – Part 2: Specific requirements for ^{222}Rn and ^{220}Rn measuring instruments
295	IEC 61577-3:2011	Thiết bị đo bảo vệ bức xạ - Thiết bị đo radon và sản phẩm phân rã radon – Phần 3: Các yêu cầu cụ thể đối với thiết bị đo sản phẩm phân rã radon Radiation protection instrumentation – Radon and radon decay product measuring instruments – Part 3: Specific requirements for radon decay product measuring instruments
296	IEC 61577-4:2009	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị đo radon và sản phẩm phân rã radon – Phần 4: Thiết bị sản xuất khí quyển tham chiếu có chứa đồng vị radon và sản phẩm phân rã của chúng (STAR) Radiation protection instrumentation – Radon and radon decay product measuring instruments – Part 4: Equipment for the production of reference atmospheres containing radon isotopes and their decay products (STAR)
297	IEC 61578:1997	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Hiệu chuẩn và xác minh hiệu quả bù radon cho các thiết bị đo khí dung alpha và/hoặc beta – Phương pháp thử nghiệm

		Radiation protection instrumentation – Calibration and verification of the effectiveness of radon compensation for alpha and/or beta aerosol measuring instruments – Test methods
298	IEC 61582:2004	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Máy đếm trong cơ thể sống – Phân loại, yêu cầu chung và quy trình thử nghiệm cho thiết bị di động, vận chuyển và lắp đặt Radiation protection instrumentation – In vivo counters – Classification, general requirements and test procedures for portable, transportable and installed equipment
299	IEC 61584:2001	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Lắp ráp cố định, di động hoặc vận chuyển – Đo hướng kerma không khí và tốc độ kerma không khí Radiation protection instrumentation – Installed, portable or transportable assemblies – Measurement of air kerma direction and air kerma rate
300	IEC 61874:1998	Thiết bị đo hạt nhân - Thiết bị đo lỗ khoan địa vật lý để xác định mật độ đá ('ghi nhật ký mật độ') Nuclear instrumentation - Geophysical borehole instrumentation to determine rock density ('density logging')
301	IEC 62022:2004	Lắp đặt màn hình để kiểm soát và phát hiện bức xạ gamma có trong vật liệu có thể tái chế hoặc không thể tái chế được vận chuyển bằng xe cộ Installed monitors for the control and detection of gamma radiations contained in recyclable or non-recyclable materials transported by vehicles
302	IEC 62088:2001	Thiết bị đo hạt nhân - Điốt quang cho máy dò phát quang - Quy trình thử nghiệm Nuclear instrumentation - Photodiodes for scintillation detectors - Test procedures

303	IEC 62089:2001	Thiết bị đo hạt nhân - Hiệu chuẩn và sử dụng máy đếm tỷ lệ khí alpha/beta Nuclear instrumentation - Calibration and usage of alpha/beta gas proportional counters
304	IEC 62244:2019	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Lắp đặt các thiết bị giám sát bức xạ (RPM) để phát hiện việc buôn bán trái phép vật liệu phóng xạ và hạt nhân Radiation protection instrumentation – Installed radiation portal monitors (RPMs) for the detection of illicit trafficking of radioactive and nuclear materials
305	IEC 62302:2007	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị lấy mẫu và giám sát khí hiếm phóng xạ Radiation protection instrumentation – Equipment for sampling and monitoring radioactive noble gases
306	IEC 62303:2008	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị giám sát tritium trong không khí Radiation protection instrumentation – Equipment for monitoring airborne tritium
307	IEC 62327:2017	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị cầm tay để phát hiện và nhận dạng các chất phóng xạ và để ước tính tỷ lệ liều tương đương xung quanh từ bức xạ photon Radiation protection instrumentation – Hand-held instruments for the detection and identification of radionuclides and for the estimation of ambient dose equivalent rate from photon radiation
308	IEC 62363:2008	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Máy đo và giám sát ô nhiễm photon di động Radiation protection instrumentation – Portable photon contamination meters and monitors
309	IEC 62372:2021	Thiết bị đo hạt nhân - Chất phát quang tích hợp - Phương pháp thử nghiệm công suất phát sáng và độ phân giải nội tại

		Nuclear instrumentation - Housed scintillators - Test methods of light output and intrinsic resolution
310	IEC 62387:2020	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Hệ thống đo liều tích hợp các máy dò thụ động để theo dõi bức xạ photon và beta ở cá nhân, nơi làm việc và môi trường Radiation protection instrumentation – Dosimetry systems with integrating passive detectors for individual, workplace and environmental monitoring of photon and beta radiation
311	IEC 62401:2017	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị báo động bức xạ cá nhân (PRD) để phát hiện buôn bán trái phép vật liệu phóng xạ Radiation protection instrumentation – Alarming personal radiation devices (PRDs) for the detection of illicit trafficking of radioactive material
312	IEC 62438:2010	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị di động để đo bức xạ photon và neutron trong môi trường Radiation protection instrumentation – Mobile instrumentation for the measurement of photon and neutron radiation in the environment
313	IEC 62463:2024	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Hệ thống tia X để kiểm tra an ninh con người Radiation protection instrumentation – X-ray systems for the security screening of persons
314	IEC 62484:2020	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị giám sát cổng bức xạ quang phổ (SRPM) được sử dụng để phát hiện và xác định hoạt động buôn bán trái phép vật liệu phóng xạ Radiation protection instrumentation – Spectrometric radiation portal monitors (SRPMs) used for the detection and identification of illicit trafficking of radioactive material

315	IEC 62495:2011	Thiết bị đo hạt nhân - Thiết bị phân tích huỳnh quang tia X di động sử dụng ống tia X thu nhỏ Nuclear instrumentation - Portable X-ray fluorescence analysis equipment utilizing a miniature X-ray tube
316	IEC 62523:2010	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Hệ thống kiểm tra bằng tia X hàng hóa/phương tiện Radiation protection instrumentation – Cargo/vehicle radiographic inspection system
317	IEC 62533:2010	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị cầm tay có độ nhạy cao để phát hiện photon của vật liệu phóng xạ Radiation protection instrumentation – Highly sensitive hand-held instruments for photon detection of radioactive material
318	IEC 62534:2010	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị cầm tay có độ nhạy cao để phát hiện neutron của vật liệu phóng xạ Radiation protection instrumentation – Highly sensitive hand-held instruments for neutron detection of radioactive material
319	IEC 62598:2011	Thiết bị đo hạt nhân - Yêu cầu về kết cấu và phân loại thiết bị đo bức xạ Nuclear instrumentation - Constructional requirements and classification of radiometric gauges
320	IEC 62618:2022	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Máy dò bức xạ cá nhân báo động dựa trên quang phổ (SPRD) để phát hiện buôn bán trái phép vật liệu phóng xạ Radiation protection instrumentation – Spectroscopy-based alarming personal radiation detectors (SPRD) for the detection of illicit trafficking of radioactive material

321	IEC 62694:2022	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Máy dò bức xạ đeo lưng (BRD) để phát hiện buôn bán trái phép vật liệu phóng xạ Radiation protection instrumentation – Backpack-type radiation detector (BRD) for the detection of illicit trafficking of radioactive material
322	IEC 62706:2019	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Yêu cầu và phương pháp thử nghiệm về hiệu suất khí hậu, điện từ và cơ học được khuyến nghị Radiation protection instrumentation – Recommended climatic, electromagnetic and mechanical performance requirements and methods of tests
323	IEC 62709:2024	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Kiểm tra an ninh con người – Đo hiệu suất hình ảnh của hệ thống X-quang Radiation protection instrumentation – Security screening of humans – Measuring the imaging performance of X-ray systems
324	IEC 62755:2012 with AMD1:2020	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Định dạng dữ liệu cho các thiết bị bức xạ được sử dụng để phát hiện buôn bán trái phép vật liệu phóng xạ Radiation protection instrumentation – Data format for radiation instruments used in the detection of illicit trafficking of radioactive materials
325	IEC 62945:2018	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Đo hiệu suất hình ảnh của hệ thống sàng lọc an ninh chụp cắt lớp vi tính (CT) bằng tia X Radiation protection instrumentation – Measuring the imaging performance of X-ray computed tomography (CT) security-screening systems

326	IEC 62957-1:2017	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Phương pháp bán thực nghiệm để đánh giá hiệu suất phát hiện và nhận dạng chất phóng xạ - Phần 1: Đánh giá hiệu suất của các thiết bị, có chức năng nhận dạng chất phóng xạ ở chế độ tĩnh Radiation protection instrumentation – Semi-empirical method for performance evaluation of detection and radionuclide identification – Part 1: Performance evaluation of the instruments, featuring radionuclide identification in static mode
327	IEC 62963:2020	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Hệ thống kiểm tra chụp cắt lớp vi tính (CT) bằng tia X của chất lỏng đóng chai/đóng hộp Radiation protection instrumentation – X-ray computed tomography (CT) inspection systems of bottled/canned liquids
328	IEC 62976:2017 with AMD1:2021	Thiết bị kiểm tra không phá hủy công nghiệp - Máy gia tốc tuyến tính điện tử Industrial non-destructive testing equipment - Electron linear accelerator
329	IEC 63047:2018 with COR1:2020	Thiết bị đo hạt nhân - Định dạng dữ liệu để thu thập dữ liệu kỹ thuật số ở chế độ danh sách được sử dụng trong phát hiện và đo bức xạ Nuclear instrumentation - Data format for list mode digital data acquisition used in radiation detection and measurement
330	IEC 63048:2020	Hệ thống điều khiển từ xa di động cho các ứng dụng hạt nhân và phóng xạ - Yêu cầu chung Mobile remotely controlled systems for nuclear and radiological applications- General requirements

331	IEC 63085:2021	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Hệ thống nhận dạng quang phổ chất lỏng trong bình chứa trong suốt và bán trong suốt (hệ thống Raman) Radiation protection instrumentation – System of spectral identification of liquids in transparent and semitransparent containers (Raman systems)
332	IEC 63121:2020	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Hệ thống di động gắn trên xe để phát hiện buôn bán trái phép vật liệu phóng xạ Radiation protection instrumentation – Vehicle-mounted mobile systems for the detection of illicit trafficking of radioactive materials
333	IEC 63148:2021	Hệ thống theo dõi vật liệu phóng xạ - Yêu cầu Tracking systems for radioactive materials - Requirements
334	IEC 63175:2021	Cyclotron proton cường độ cao năng lượng cố định trong phạm vi năng lượng từ 10 MeV đến dưới 30 MeV Fixed energy high intensity proton cyclotron within the energy range of 10 MeV to less than 30 MeV
335	IEC 63391:2024	Hệ thống sóng milimet chủ động để sàng lọc an ninh con người – Yêu cầu chung Active millimetre-wave systems for security screening of humans – General requirements
336	IEC TR 61577-5:2019	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Thiết bị đo radon và sản phẩm phân rã radon – Phần 5: Tính chất chung của radon và sản phẩm phân rã radon cùng phương pháp đo

		Radiation protection instrumentation – Radon and radon decay product measuring instruments – Part 5: General properties of radon and radon decay products and their measurement methods
337	IEC TR 62461:2015	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Xác định độ không chắc chắn trong phép đo Radiation protection instrumentation – Determination of uncertainty in measurement
338	IEC TR 62971:2015	Thiết bị đo bức xạ - Các nguồn bức xạ được sử dụng trong tiêu chuẩn phát hiện buôn bán trái phép – Hướng dẫn và khuyến nghị Radiation instrumentation – Radiation sources used in illicit trafficking detection standards – Guidance and recommendations
339	IEC TS 62743:2012	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Máy đo liều đếm điện tử cho trường xung bức xạ ion hóa Radiation protection instrumentation – Electronic counting dosimeters for pulsed fields of ionizing radiation
340	IEC TS 63050:2019	Thiết bị bảo vệ bức xạ - Máy đo liều cho trường xung bức xạ ion hóa Radiation protection instrumentation – Dosimeters for pulsed fields of ionizing radiation
341	ISO 10980:1995	Xác nhận độ bền của các dung dịch chuẩn được sử dụng để đo nồng độ Validation of the strength of reference solutions used for measuring concentrations
342	ISO 11665-1:2019	Đo phóng xạ trong môi trường - Không khí: radon-222 - Phần 1: Nguồn gốc của radon và các sản phẩm phân rã tồn tại ngắn hạn của nó và các phương pháp đo liên quan Measurement of radioactivity in the environment - Air: radon-222 - Part 1: Origins of radon and its short-lived decay products and associated measurement methods

343	ISO 11665-11:2016	Đo phóng xạ trong môi trường - Không khí: radon-222 - Phần 11: Phương pháp thử khí trong đất với lấy mẫu ở độ sâu Measurement of radioactivity in the environment - Air: radon-222 - Part 11: Test method for soil gas with sampling at depth
344	ISO 11665-2:2019	Đo phóng xạ trong môi trường - Không khí: radon-222 - Phần 2: Phương pháp đo tích hợp để xác định nồng độ năng lượng alpha tiềm năng trung bình của các sản phẩm phân rã tồn tại ngắn hạn của nó Measurement of radioactivity in the environment - Air: radon-222 - Part 2: Integrated measurement method for determining average potential alpha energy concentration of its short-lived decay products
345	ISO 11665-3:2020	Đo phóng xạ trong môi trường - Không khí: radon-222 - Phần 3: Phương pháp đo điểm nồng độ năng lượng alpha tiềm năng của các sản phẩm phân rã tồn tại ngắn hạn của nó Measurement of radioactivity in the environment - Air: radon-222 - Part 3: Spot measurement method of the potential alpha energy concentration of its short-lived decay products
346	ISO 11665-4:2021	Đo phóng xạ trong môi trường - Không khí: radon-222 - Phần 4: Phương pháp đo tích hợp để xác định nồng độ hoạt động trung bình bằng cách sử dụng lấy mẫu thụ động và phân tích trễ Measurement of radioactivity in the environment - Air: radon-222 - Part 4: Integrated measurement method for determining average activity concentration using passive sampling and delayed analysis

347	ISO 11665-5:2020	Đo phóng xạ trong môi trường - Không khí: radon-222 - Phần 5: Phương pháp đo liên tục nồng độ hoạt động Measurement of radioactivity in the environment - Air: radon-222 - Part 5: Continuous measurement methods of the activity concentration
348	ISO 11665-6:2020	Đo phóng xạ trong môi trường - Không khí: radon-222 - Phần 6: Phương pháp đo tại chỗ của nồng độ hoạt động Measurement of radioactivity in the environment - Air: radon-222 - Part 6: Spot measurement methods of the activity concentration
349	ISO 11665-7:2012	Đo phóng xạ trong môi trường - Không khí: radon-222 - Phần 7: Phương pháp tích lũy để ước tính tốc độ thở ra trên bề mặt Measurement of radioactivity in the environment - Air: radon-222 - Part 7: Accumulation method for estimating surface exhalation rate
350	ISO 11665-8:2019	Đo phóng xạ trong môi trường - Không khí: radon-222 - Phần 8: Phương pháp điều tra ban đầu và bổ sung trong các tòa nhà Measurement of radioactivity in the environment - Air: radon-222 - Part 8: Methodologies for initial and additional investigations in buildings
351	ISO 11665-9:2019	Đo phóng xạ trong môi trường - Không khí: Radon-222 - Phần 9: Phương pháp thử tốc độ thở ra của vật liệu xây dựng Measurement of radioactivity in the environment - Air: Radon-222 - Part 9: Test methods for exhalation rate of building materials

352	ISO 11929-1:2025	Xác định các giới hạn đặc tính (ngưỡng quyết định, giới hạn phát hiện và giới hạn của khoảng phủ sóng) để đo bức xạ ion hóa - Nguyên tắc cơ bản và ứng dụng - Phần 1: Ứng dụng cơ bản Determination of the characteristic limits (decision threshold, detection limit and limits of the coverage interval) for measurements of ionizing radiation - Fundamentals and application - Part 1: Elementary applications
353	ISO 11929-2:2025	Xác định các giới hạn đặc tính (ngưỡng quyết định, giới hạn phát hiện và giới hạn của khoảng phủ sóng) để đo bức xạ ion hóa - Nguyên tắc cơ bản và ứng dụng - Phần 2: Ứng dụng nâng cao Determination of the characteristic limits (decision threshold, detection limit and limits of the coverage interval) for measurements of ionizing radiation - Fundamentals and application - Part 2: Advanced applications
354	ISO 11929-3:2025	Xác định các giới hạn đặc tính (ngưỡng quyết định, giới hạn phát hiện và giới hạn của khoảng phủ sóng) để đo bức xạ ion hóa - Nguyên tắc cơ bản và ứng dụng - Phần 3: Ứng dụng cho các phương pháp mở ra Determination of the characteristic limits (decision threshold, detection limit and limits of the coverage interval) for measurements of ionizing radiation - Fundamentals and application - Part 3: Applications to unfolding methods
355	ISO 11929-4:2022	Xác định các giới hạn đặc tính (ngưỡng quyết định, giới hạn phát hiện và giới hạn của khoảng phủ sóng) cho các phép đo bức xạ ion hóa - Nguyên tắc cơ bản và ứng dụng - Phần 4: Hướng dẫn ứng dụng

		Determination of the characteristic limits (decision threshold, detection limit and limits of the coverage interval) for measurements of ionizing radiation - Fundamentals and application - Part 4: Guidelines to applications
356	ISO 11933-1:1997	Các thành phần cho vỏ bọc - Phần 1: Cổng găng tay / túi, nút cho cổng găng tay / túi, vòng bao vây và các đơn vị có thể hoán đổi cho nhau Components for containment enclosures - Part 1: Glove/bag ports, bungs for glove/bag ports, enclosure rings and interchangeable units
357	ISO 11933-2:1997	Các thành phần cho vỏ bọc - Phần 2: Găng tay, túi hàn, dăng đi cho kẹp xử lý từ xa và cho bộ điều khiển Components for containment enclosures - Part 2: Gloves, welded bags, gaiters for remote - handling tongs and for manipulators
358	ISO 11933-3:1998	Các thành phần cho vỏ bọc ngăn chặn - Phần 3: Các hệ thống chuyển nhượng như cửa tron, buồng khóa khí, hệ thống chuyển cửa đôi, kết nối kín cho thùng rác Components for containment enclosures - Part 3: Transfer systems such as plain doors, airlock chambers, double door transfer systems, leaktight connections for waste drums
359	ISO 11933-4:2001	Các thành phần cho vỏ bọc - Phần 4: Hệ thống thông gió và làm sạch khí như bộ lọc, bẫy, van an toàn và điều chỉnh, thiết bị điều khiển và bảo vệ Components for containment enclosures - Part 4: Ventilation and gas-cleaning systems such as filters, traps, safety and regulation valves, control and protection devices
360	ISO 11933-5:2001	Các thành phần cho vỏ bọc ngăn chặn - Phần 5: Các lỗ xuyên thấu cho mạch điện và chất lỏng

		Components for containment enclosures - Part 5: Penetrations for electrical and fluid circuits
361	ISO 13160:2021	Chất lượng nước – Stronti 90 và stronti 89 – Phương pháp thử nghiệm sử dụng đếm nhấp nháy lỏng hoặc đếm tỷ lệ Water quality – Strontium 90 and strontium 89 – Test methods using liquid scintillation counting or proportional counting
362	ISO 13165-1:2022	Chất lượng nước - Radi-226 - Phần 1: Phương pháp thử nghiệm sử dụng phương pháp đếm nhấp nháy lỏng Water quality – Radium-226 – Part 1: Test method using liquid scintillation counting
363	ISO 13165-2:2022	Chất lượng nước - Radi-226 - Phần 2: Phương pháp thử nghiệm sử dụng phương pháp đo không khí Water quality – Radium-226 – Part 2: Test method using emanometry
364	ISO 13165-3:2024	Chất lượng nước - Radi-226 - Phần 3: Phương pháp thử nghiệm sử dụng phương pháp kết tủa đồng thời và đo phổ tia gamma Water quality – Radium-226 – Part 3: Test method using coprecipitation and gamma-ray spectrometry
365	ISO 13165-4:2025	Chất lượng nước - Radi-226 - Phần 4: Phương pháp thử nghiệm sử dụng phương pháp đo phổ alpha Water quality – Radium-226 – Part 4: Test method using alpha spectrometry
366	ISO 13167:2023	Chất lượng nước – Plutoni, americi, curi và neptunium – Phương pháp thử nghiệm sử dụng quang phổ alpha

		Water quality – Plutonium, americium, curium and neptunium – Test method using alpha spectrometry
367	ISO 13168:2023	Chất lượng nước - Xác định đồng thời hoạt độ triti và carbon 14 - Phương pháp thử nghiệm sử dụng đếm nhấp nháy lỏng Water quality – Simultaneous determination of tritium and carbon 14 activities – Test method using liquid scintillation counting
368	ISO 13169:2018	Chất lượng nước – Urani – Phương pháp thử nghiệm sử dụng đếm nhấp nháy lỏng anpha Water quality – Uranium – Test method using alpha liquid scintillation counting
369	ISO 13304-1:2020	An toàn bức xạ - Tiêu chí tối thiểu cho quang phổ cộng hưởng thuận từ điện tử (EPR) để đo liều lượng hồi cứu bức xạ ion hóa - Phần 1: Nguyên tắc chung Radiological protection - Minimum criteria for electron paramagnetic resonance (EPR) spectroscopy for retrospective dosimetry of ionizing radiation - Part 1: General principles
370	ISO 13304-2:2020	An toàn bức xạ - Tiêu chí tối thiểu cho quang phổ cộng hưởng thuận từ điện tử (EPR) để đo liều lượng hồi cứu bức xạ ion hóa - Phần 2: Đo liều men răng người Ex vivo Radiological protection - Minimum criteria for electron paramagnetic resonance (EPR) spectroscopy for retrospective dosimetry of ionizing radiation - Part 2: Ex vivo human tooth enamel dosimetry
371	ISO 16637:2016	An toàn bức xạ - Theo dõi và đo liều lượng bên trong cho nhân viên tiếp xúc với hạt nhân phóng xạ y tế như các nguồn không được niêm phong Radiological protection - Monitoring and internal dosimetry for staff members exposed to medical radionuclides as unsealed sources

372	ISO 16638-1:2015	An toàn bức xạ - Giám sát và đo liều lượng bên trong cho các vật liệu cụ thể - Phần 1: Hít phải các hợp chất urani Radiological protection - Monitoring and internal dosimetry for specific materials - Part 1: Inhalation of uranium compounds
373	ISO 16638-2:2019	An toàn bức xạ - Giám sát và đo liều lượng bên trong đối với các vật liệu cụ thể - Phần 2: Ăn phải các hợp chất urani Radiological protection - Monitoring and internal dosimetry for specific materials - Part 2: Ingestion of uranium compounds
374	ISO 16639:2017	Giám sát nồng độ hoạt động của các chất phóng xạ trong không khí tại nơi làm việc của các cơ sở hạt nhân Surveillance of the activity concentrations of airborne radioactive substances in the workplace of nuclear facilities
375	ISO 16640:2021	Quan trắc khí phóng xạ trong nước thải từ các cơ sở sản xuất đồng vị phóng xạ phát positron và thuốc phóng xạ Monitoring radioactive gases in effluents from facilities producing positron emitting radionuclides and radiopharmaceuticals
376	ISO 16641:2014	Đo phóng xạ trong môi trường - Không khí - Radon 220: Các phương pháp đo tích hợp để xác định nồng độ hoạt động trung bình bằng cách sử dụng máy dò theo dõi hạt nhân trạng thái rắn thụ động Measurement of radioactivity in the environment - Air - Radon 220: Integrated measurement methods for the determination of the average activity concentration using passive solid-state nuclear track detectors

377	ISO 16645:2016	An toàn bức xạ - Máy gia tốc điện tử y tế - Yêu cầu và khuyến nghị để thiết kế và đánh giá che chắn Radiological protection - Medical electron accelerators - Requirements and recommendations for shielding design and evaluation
378	ISO 17099:2024	Bảo vệ X quang - Tiêu chí thực hiện cho các phòng thí nghiệm sử dụng xét nghiệm vi nhân khối cytokinesis (CBMN) trong tế bào lympho máu ngoại vi để đo liều sinh học Radiological protection - Performance criteria for laboratories using the cytokinesis-block micronucleus (CBMN) assay in peripheral blood lymphocytes for biological dosimetry
379	ISO 17874-3:2011	Thiết bị xử lý từ xa cho vật liệu phóng xạ - Phần 3: Bộ điều khiển điện chính - phụ Remote handling devices for radioactive materials - Part 3: Electrical master-slave manipulators
380	ISO 17874-4:2006	Thiết bị xử lý từ xa cho vật liệu phóng xạ - Phần 4: Bộ điều khiển điện Remote handling devices for radioactive materials - Part 4: Power manipulators
381	ISO 17874-5:2007	Thiết bị xử lý từ xa vật liệu phóng xạ - Phần 5: Kẹp xử lý từ xa Remote handling devices for radioactive materials - Part 5: Remote handling tongs
382	ISO 18310-1:2017	Đo và dự đoán liều môi trường tương đương từ bệnh nhân được dùng i-ốt 131 sau khi cắt bỏ tuyến giáp - Phần 1: Trong thời gian nằm viện Measurement and prediction of the ambient dose equivalent from patients receiving iodine 131 administration after thyroid ablation - Part 1: During the hospitalization

383	ISO 18310-2:2021	Đo và dự đoán liều xung quanh tương đương từ bệnh nhân được dùng iốt 131 sau khi cắt bỏ tuyến giáp - Phần 2: Liều hiệu quả bên ngoài của người chăm sóc sau khi xuất viện Measurement and prediction of the ambient dose equivalent from patients receiving iodine 131 administration after thyroid ablation Part 2: External effective dose of the caregivers after release from the hospital
384	ISO 18417:2017	Chất hấp thụ than iốt cho các cơ sở hạt nhân - Phương pháp xác định chỉ số khả năng hấp thụ Iodine charcoal sorbents for nuclear facilities - Method for defining sorption capacity index
385	ISO 18510-1:2025	Đo phóng xạ trong môi trường - Chỉ thị sinh học - Phần 1: Hướng dẫn chung về lấy mẫu, điều hòa và xử lý sơ bộ Measurement of radioactivity in the environment - Bioindicators - Part 1: General guidance to the sampling, conditioning and pre-treatment
386	ISO 18557:2017	Nguyên tắc mô tả đặc điểm cho đất, tòa nhà và cơ sở hạ tầng bị ô nhiễm bởi hạt nhân phóng xạ cho mục đích khắc phục Characterisation principles for soils, buildings and infrastructures contaminated by radionuclides for remediation purposes
387	ISO 18589-7:2025	Đo phóng xạ trong môi trường - Đất - Phần 7: Đo tại chỗ các hạt nhân phóng xạ phát ra gamma Measurement of radioactivity in the environment - Soil - Part 7: In situ measurement of gamma-emitting radionuclides

388	ISO 18990:2025	Đo phóng xạ trong nước tiểu- ²³⁸ Pu, ²³⁹ Pu và ²⁴⁰ Pu - Phương pháp thử nghiệm sử dụng phép đo alpha quang phổ hoặc ICP-MS Measurement of radioactivity in urine- ²³⁸ Pu, ²³⁹ Pu and ²⁴⁰ Pu - Test method using alpha spectrometry or ICP-MS
389	ISO 19017:2015	Hướng dẫn đo chất thải phóng xạ bằng phổ kế gamma Guidance for gamma spectrometry measurement of radioactive waste
390	ISO 19361:2025	Đo phóng xạ - Xác định hoạt động của bộ phát beta - Phương pháp thử nghiệm sử dụng ống đếm nhấp nháy lỏng Measurement of radioactivity - Determination of beta emitters activities - Test method using liquid scintillation counting
391	ISO 19461-1:2018	An toàn bức xạ - Đo việc loại bỏ chất thải bị nhiễm đồng vị phóng xạ cho ứng dụng y tế - Phần 1: Đo phóng xạ Radiological protection - Measurement for the clearance of waste contaminated with radioisotopes for medical application - Part 1: Measurement of radioactivity
392	ISO 19461-2:2022	An toàn bức xạ - Đo việc loại bỏ chất thải bị nhiễm đồng vị phóng xạ cho ứng dụng y tế - Phần 2: Quản lý chất thải phóng xạ rắn trong các cơ sở y học hạt nhân Radiological protection - Measurement for the clearance of waste contaminated with radioisotopes for medical application - Part 2: Management of solid radioactive waste in nuclear medicine facilities
393	ISO 19581:2025	Đo phóng xạ - Các hạt nhân phóng xạ phát ra gamma - Phương pháp sàng lọc nhanh bằng cách sử dụng thiết bị phổ kế gamma dùng đầu dò nhấp nháy

		Measurement of radioactivity - Gamma emitting radionuclides - Rapid screening method using scintillation detector gamma-ray spectrometry
394	ISO 20031:2020	Bảo vệ X quang - Theo dõi và đo liều lượng đối với phơi nhiễm bên trong do vết thương bị nhiễm hạt nhân phóng xạ Radiological protection - Monitoring and dosimetry for internal exposures due to wound contamination with radionuclides
395	ISO 20041-1:2022	Hoạt độ của Tritium và carbon-14 trong khí thải và dòng khí thải của các cơ sở hạt nhân - Phần 1: Lấy mẫu tritium và carbon-14 Tritium and carbon-14 activity in gaseous effluents and gas discharges of nuclear installations - Part 1: Sampling of tritium and carbon-14
396	ISO 20041-2:2025	Hoạt động của tritium và carbon-14 trong nước thải dạng khí và khí thải của các cơ sở hạt nhân - Phần 2: Xác định hoạt động của tritium và carbon-14 lấy mẫu bằng kỹ thuật sục khí (Tritium and carbon-14 activity in gaseous effluents and gas discharges of nuclear installations - Part 2: Determination of tritium and carbon-14 activities sampled by bubbling technique).
397	ISO 20042:2019	Đo phóng xạ - Các hạt nhân phóng xạ phát ra tia gamma - Phương pháp thử nghiệm chung sử dụng thiết bị phổ kế gamma Measurement of radioactivity - Gamma-ray emitting radionuclides - Generic test method using gamma-ray spectrometry
398	ISO 20043-1:2021	Đo phóng xạ trong môi trường - Hướng dẫn đánh giá liều hiệu quả bằng dữ liệu quan trắc môi trường - Phần 1: Tình hình phơi nhiễm theo kế hoạch và hiện tại

		Measurement of radioactivity in the environment - Guidelines for effective dose assessment using environmental monitoring data - Part 1: Planned and existing exposure situation
399	ISO 20043-2:2023	Đo phóng xạ trong môi trường - Hướng dẫn đánh giá liều hiệu quả bằng dữ liệu quan trắc môi trường - Phần 2: Tình hình phơi nhiễm khẩn cấp Measurement of radioactivity in the environment - Guidelines for effective dose assessment using environmental monitoring data - Part 2: Emergency exposure situation
400	ISO 20044:2022	Đo phóng xạ trong môi trường - Không khí: hạt sol khí- Phương pháp thử nghiệm sử dụng lấy mẫu bằng phương tiện lọc Measurement of radioactivity in the environment - Air: aerosol particles - Test method using sampling by filter media
401	ISO 20045:2023	Đo phóng xạ trong môi trường - Không khí: tritium - Phương pháp thử nghiệm sử dụng lấy mẫu bong bóng Measurement of the radioactivity in the environment - Air: tritium - Test method using bubbler sampling
402	ISO 20046:2019	An toàn bức xạ - Tiêu chí hiệu suất cho các phòng thí nghiệm sử dụng xét nghiệm chuyển vị lai huỳnh quang tại chỗ (FISH) để đánh giá mức độ phơi nhiễm với bức xạ ion hóa Radiological protection - Performance criteria for laboratories using Fluorescence In Situ Hybridization (FISH) translocation assay for assessment of exposure to ionizing radiation
403	ISO 20553:2025	An toàn bức xạ - Giám sát người lao động tiếp xúc với nguy cơ nhiễm bên trong với vật liệu phóng xạ

		Radiation protection - Monitoring of workers occupationally exposed to a risk of internal contamination with radioactive material
404	ISO 20785-1:2020	Đo liều lượng phơi nhiễm với bức xạ vũ trụ trên máy bay dân sự - Phần 1: Cơ sở khái niệm cho các phép đo Dosimetry for exposures to cosmic radiation in civilian aircraft - Part 1: Conceptual basis for measurements
405	ISO 20785-2:2020	Đo liều lượng khi tiếp xúc với bức xạ vũ trụ trong máy bay dân sự - Phần 2: Đặc điểm phản ứng của thiết bị Dosimetry for exposures to cosmic radiation in civilian aircraft - Part 2: Characterization of instrument response
406	ISO 20785-3:2023	Đo liều lượng phơi nhiễm với bức xạ vũ trụ trong máy bay dân sự - Phần 3: Đo ở độ cao hàng không Dosimetry for exposures to cosmic radiation in civilian aircraft - Part 3: Measurements at aviation altitudes
407	ISO 20785-4:2019	Đo liều lượng tiếp xúc với bức xạ vũ trụ trong máy bay dân sự - Phần 4: Xác nhận mã Dosimetry for exposures to cosmic radiation in civilian aircraft - Part 4: Validation of codes
408	ISO 20899:2018	Chất lượng nước – Plutoni và neptuni – Phương pháp thử sử dụng ICP-MS Water quality – Plutonium and neptunium – Test method using ICP-MS
409	ISO 20956:2023	An toàn bức xạ - Hiệu chuẩn tốc độ liều thấp của các thiết bị giám sát môi trường và khu vực

		Radiological protection - Low dose rate calibration of instruments for environmental and area monitoring
410	ISO 21243:2022	An toàn bức xạ - Tiêu chí thực hiện cho các phòng thí nghiệm thực hiện đánh giá liều di truyền tế bào ban đầu của thương vong hàng loạt trong các trường hợp khẩn cấp về X quang hoặc hạt nhân - Nguyên tắc chung và ứng dụng cho xét nghiệm lưỡng tâm Radiation protection - Performance criteria for laboratories performing initial cytogenetic dose assessment of mass casualties in radiological or nuclear emergencies - General principles and application to dicentric assay
411	ISO 21439:2009	Đo liều lượng y tế - Nguồn bức xạ beta để áp sát Clinical dosimetry - Beta radiation sources for brachytherapy
412	ISO 21909-1:2021	Hệ thống đo liều lượng neutron thụ động - Phần 1: Yêu cầu về hiệu suất và thử nghiệm đối với liều lượng cá nhân Passive neutron dosimetry systems - Part 1: Performance and test requirements for personal dosimetry
413	ISO 21909-2:2021	Hệ thống đo liều lượng neutron thụ động - Phần 2: Phương pháp luận và tiêu chí để đánh giá hệ thống liều lượng cá nhân tại nơi làm việc Passive neutron dosimetry systems - Part 2: Methodology and criteria for the qualification of personal dosimetry systems in workplaces
414	ISO 22017:2020	Chất lượng nước – Hướng dẫn đo nhanh hoạt độ phóng xạ trong tình huống khẩn cấp hạt nhân hoặc phóng xạ

		Water quality – Guidance for rapid radioactivity measurements in nuclear or radiological emergency situation
415	ISO 22125-1:2019	Chất lượng nước – Techneti-99 – Phần 1: Phương pháp thử nghiệm sử dụng đếm nhấp nháy lỏng Water quality – Technetium-99 – Part 1: Test method using liquid scintillation counting
416	ISO 22125-2:2019	Chất lượng nước – Techneti-99 – Phần 2: Phương pháp thử nghiệm sử dụng khối phổ plasma cặp cao tần (ICP-MS) Water quality – Technetium-99 – Part 2: Test method using inductively coupled plasma mass spectrometry (ICP-MS)
417	ISO 22127:2019	Đo liều lượng với liều kế thủy tinh phóng xạ phát quang để kiểm tra liều lượng trong xạ trị tia X MV Dosimetry with radiophotoluminescent glass dosimeters for dosimetry audit in MV X-ray radiotherapy
418	ISO 22188:2023	Giám sát việc di chuyển vô ý và buôn bán bất hợp pháp vật liệu phóng xạ Monitoring for inadvertent movement and illicit trafficking of radioactive material
419	ISO 22515:2021	Chất lượng nước – Sắt-55 – Phương pháp thử nghiệm sử dụng đếm nhấp nháy lỏng Water quality – Iron-55 – Test method using liquid scintillation counting
420	ISO 22908:2020	Chất lượng nước – Radium 226 và radium 228 – Phương pháp thử nghiệm sử dụng đếm nhấp nháy lỏng Water quality – Radium 226 and Radium 228 – Test method using liquid scintillation counting

421	ISO 23547:2022	Đo phóng xạ - Các hạt nhân phóng xạ phát ra gamma - Thông số kỹ thuật tiêu chuẩn đo tham khảo để hiệu chuẩn thiết bị phổ kế gamma Measurement of radioactivity - Gamma emitting radionuclides - Reference measurement standard specifications for the calibration of gamma-ray spectrometers
422	ISO 23548:2024	Đo phóng xạ - Các hạt nhân phóng xạ phát ra Alpha - Phương pháp thử nghiệm chung sử dụng thiết bị phổ kế alpha Measurement of radioactivity - Alpha emitting radionuclides - Generic test method using alpha spectrometry
423	ISO 23588:2023	An toàn bức xạ - Yêu cầu chung đối với các thử nghiệm thành thạo cho xét nghiệm phóng xạ in vivo Radiological protection - General requirements for proficiency tests for in vivo radiobioassay
424	ISO 23655-1:2022	Chất lượng nước – Niken-59 và Niken-63 – Phần 1: Phương pháp thử nghiệm sử dụng đếm nhấp nháy lỏng Water quality – Nickel-59 and nickel-63 – Part 1: Test method using liquid scintillation counting
425	ISO 23655-2:2022	Chất lượng nước - Niken-59 và Niken-63 – Phần 2: Phương pháp thử nghiệm sử dụng ICP-MS Water quality – Nickel-59 and nickel-63 – Part 2: Test method using ICP-MS
426	ISO 24389-1:2023	Quản lý chất thải phóng xạ từ cơ sở hạt nhân - Phần 1: Nguyên tắc chung, mục tiêu và cách tiếp cận thực tiễn

		Management of radioactive waste from nuclear facilities - Part 1: General principles, objectives and practical approaches
427	ISO 24390:2023	Phương pháp xác định đặc tính phóng xạ trong chất thải mức rất thấp (VLLW) phát sinh từ cơ sở hạt nhân Methodologies for radioactivity characterization of very low-level waste (VLLW) generated by nuclear facilities
428	ISO 24426:2023	An toàn bức xạ - Nội dung dữ liệu đầu vào để phân tích thống kê hồ sơ liều lượng của các cá nhân được theo dõi phơi nhiễm nghề nghiệp với bức xạ ion hóa Radiological protection - Content of input data for the statistical analysis of dose records of individuals monitored for occupational exposure to ionizing radiation
429	ISO 24427:2025	Bảo vệ bức xạ - Máy gia tốc proton y tế - Yêu cầu và khuyến nghị đối với thiết kế và đánh giá che chắn Radiological protection - Medical proton accelerators - Requirements and recommendations for shielding design and evaluation
430	ISO 24434:2024	An toàn bức xạ - Giám sát bức xạ cho nhân viên cấp cứu và người dân sau sự cố hạt nhân/phóng xạ - Nguyên tắc chung Radiological protection - Radiological monitoring for emergency workers and population following nuclear/radiological incidents - General principles
431	ISO 26802:2010	Cơ sở hạt nhân - Tiêu chí thiết kế và vận hành hệ thống ngăn chặn và thông gió cho các lò phản ứng hạt nhân Nuclear facilities - Criteria for the design and the operation of containment and ventilation systems for nuclear reactors

432	ISO 27048:2011	An toàn bức xạ - Đánh giá liều lượng để theo dõi người lao động về phơi nhiễm bức xạ bên trong Radiation protection - Dose assessment for the monitoring of workers for internal radiation exposure
433	ISO 28057:2019	Đo liều lượng y tế - Đo liều lượng với máy dò nhiệt phát quang rắn cho bức xạ photon và electron trong xạ trị Clinical dosimetry - Dosimetry with solid thermoluminescence detectors for photon and electron radiations in radiotherapy
434	ISO 28218:2010	An toàn bức xạ - Tiêu chí hiệu suất cho xét nghiệm sinh học phóng xạ Radiation protection - Performance criteria for radiobioassay
435	ISO 2889:2023	Lấy mẫu chất khí có chứa phóng xạ từ các ống dẫn và ống khói của cơ sở hạt nhân Sampling airborne radioactive materials from stacks and ducts
436	ISO 29661:2012 Amd 1:2015	Trường bức xạ chuẩn để an toàn bức xạ - Định nghĩa và khái niệm cơ bản Reference radiation fields for radiation protection - Definitions and fundamental concepts
437	ISO 4037-3:2019	An toàn bức xạ - Bức xạ chuẩn X và gamma để hiệu chuẩn các máy đo liều và máy đo liều và để xác định phản ứng của chúng như một hàm của năng lượng photon - Phần 3 Hiệu chuẩn thiết bị đo liều khu vực và cá nhân, và đo đáp ứng của chúng theo năng lượng và góc tới. Radiological protection — X and gamma reference radiation for calibrating dosimeters and doserate meters and for determining their response as a function of photon energy —

		Part 3: Calibration of area and personal dosimeters and the measurement of their response as a function of energy and angle of incidence.
438	ISO 4037-4:2019	An toàn bức xạ - Bức xạ chuẩn X và gamma để hiệu chuẩn các máy đo liều và máy đo liều và để xác định phản ứng của chúng như một hàm của năng lượng photon - Phần 4: Hiệu chuẩn các máy đo liều lượng khu vực và cá nhân trong trường bức xạ chuẩn X năng lượng thấp Radiological protection - X and gamma reference radiation for calibrating dosimeters and dose rate meters and for determining their response as a function of photon energy - Part 4: Calibration of area and personal dosimeters in low energy X reference radiation fields
439	ISO 4685:2024	Chất lượng nước – Radium 226 – Phương pháp thử sử dụng ICP-MS Water quality – Radium 226 – Test method using ICP-MS
440	ISO 4702:2024	Chất lượng nước – Zirconium 93 – Phương pháp thử sử dụng ICP-MS Water quality – Zirconium 93 – Test method using ICP-MS
441	ISO 4717:2024	Chất lượng nước – Protactinium 231 – Phương pháp thử sử dụng ICP-MS Water quality – Protactinium 231 – Test method using ICP-MS
442	ISO 4721:2024	Chất lượng nước – Stronti 90 – Phương pháp thử sử dụng ICP-MS Water quality – Strontium 90 – Test method using ICP-MS
443	ISO 4722-1:2023	Chất lượng nước – Thori 232 – Phần 1: Phương pháp thử sử dụng phổ alpha Water quality – Thorium 232 – Part 1: Test method using alpha spectrometry
444	ISO 4722-2:2024	Chất lượng nước – Thori 232 – Phần 2: Phương pháp thử sử dụng ICP-MS

		Water quality – Thorium 232 – Part 2: Test method using ICP-MS
445	ISO 4723:2023	Chất lượng nước – Actini 227 – Phương pháp thử sử dụng phổ anpha Water quality – Actinium-227 – Test method using alpha-spectrometry
446	ISO 6980-1:2023	Năng lượng hạt nhân - Chuẩn bức xạ hạt beta - Phần 1: Phương pháp sản xuất Nuclear energy - Reference beta-particle radiation - Part 1: Methods of production
447	ISO 6980-2:2023	Năng lượng hạt nhân - Chuẩn bức xạ hạt beta - Phần 2: Các nguyên tắc cơ bản về hiệu chuẩn liên quan đến các đại lượng cơ bản đặc trưng cho trường bức xạ Nuclear energy - Reference beta-particle radiation - Part 2: Calibration fundamentals related to basic quantities characterizing the radiation field
448	ISO 6980-3:2023	Năng lượng hạt nhân - Chuẩn bức xạ hạt beta - Phần 3: Hiệu chuẩn diện tích và liều kế cá nhân và xác định phản ứng của chúng như một hàm của năng lượng bức xạ beta và góc tới Nuclear energy - Reference beta-particle radiation - Part 3: Calibration of area and personal dosimeters and the determination of their response as a function of beta radiation energy and angle of incidence
449	ISO 8529-1:2021	Trường bức xạ chuẩn neutron - Phần 1: Đặc điểm và phương pháp sản xuất Neutron reference radiations fields - Part 1: Characteristics and methods of production
450	ISO 8529-2:2000	Bức xạ neutron chuẩn - Phần 2: Các nguyên tắc cơ bản về hiệu chuẩn của các thiết bị an toàn bức xạ liên quan đến các đại lượng cơ bản đặc trưng cho trường bức xạ Reference neutron radiations - Part 2: Calibration fundamentals of radiation protection devices related to the basic quantities characterizing the radiation field

451	ISO 8529-3:2023	Trường bức xạ chuẩn neutron - Phần 3: Hiệu chuẩn diện tích và liều kế cá nhân và xác định phản ứng của chúng như một hàm của năng lượng neutron và góc tới Neutron reference radiation fields - Part 3: Calibration of area and personal dosimeters and determination of their response as a function of neutron energy and angle of incidence
452	ISO 8769:2020	Đo phóng xạ - Các hạt nhân phóng xạ phát alpha, beta và photon - Thông số kỹ thuật tiêu chuẩn đo chuẩn để hiệu chuẩn thiết bị đo nhiễm bề mặt Measurement of radioactivity - Alpha-, beta- and photon emitting radionuclides - Reference measurement standard specifications for the calibration of surface contamination monitors
453	ISO/TR 22930-1:2020	Đánh giá hiệu suất của máy theo dõi không khí liên tục - Phần 1: Máy theo dõi không khí dựa trên kỹ thuật lấy mẫu tích lũy Evaluating the performance of continuous air monitors - Part 1: Air monitors based on accumulation sampling techniques
454	ISO/TR 22930-2:2020	Đánh giá hiệu suất của máy theo dõi không khí liên tục - Phần 2: Máy theo dõi không khí dựa trên kỹ thuật lấy mẫu dòng chảy mà không tích lũy Evaluating the performance of continuous air monitors - Part 2: Air monitors based on flow-through sampling techniques without accumulation
455	ISO/TR 24422:2022	Phát triển một phantom tương đương nước để đo các đặc tính vật lý của các thiết bị điều trị xạ phẫu cụ thể Development of a water equivalent phantom to measure the physical characteristics of specific radiosurgery treatment devices

456	ISO/TS 11665-12:2018	Đo phóng xạ trong môi trường - Không khí: radon-222 - Phần 12: Xác định hệ số khuếch tán trong vật liệu chống thấm: phương pháp đo nồng độ hoạt động một bên màng Measurement of radioactivity in the environment - Air: radon-222 - Part 12: Determination of the diffusion coefficient in waterproof materials: membrane one-side activity concentration measurement method
457	ISO/TS 11665-13: 2025	Đo phóng xạ trong môi trường - Không khí: radon 222 - Phần 13: Xác định hệ số khuếch tán trong vật liệu chống thấm: phương pháp thử nồng độ hoạt động hai mặt màng Measurement of radioactivity in the environment - Air: radon 222 - Part 13: Determination of the diffusion coefficient in waterproof materials: membrane two-side activity concentration test method
	H. An ninh hạt nhân và ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân	
458	IAEA, GSG-11, 2018	Yêu cầu cho chấm dứt tình trạng sự cố bức xạ hoặc sự cố hạt nhân Arrangements for the Termination of a Nuclear or Radiological Emergency
459	IAEA, GSG-14, 2020	Yêu cầu truyền thông công cộng trong chuẩn bị và ứng phó với sự cố bức xạ hoặc hạt nhân Arrangements for Public Communication in Preparedness and Response for a Nuclear or Radiological Emergency
460	IAEA, GSG-2, 2011	Tiêu chí sử dụng trong công tác chuẩn bị và ứng phó với sự cố hạt nhân hoặc sự cố bức xạ Criteria for Use in Preparedness and Response for a Nuclear or Radiological Emergency

461	IAEA, NSS No. 10-G (Rev. 1), 2021	Đánh giá mối đe dọa an ninh hạt nhân quốc gia, mối đe dọa thiết kế cơ bản và các tuyên bố mối đe dọa đại diện National Nuclear Security Threat Assessment, Design Basis Threats and Representative Threat Statements
462	IAEA, NSS No. 19, 2013	Thiết lập hạ tầng an ninh hạt nhân đối với chương trình điện hạt nhân Establishing the Nuclear Security Infrastructure for a Nuclear Power Programme
463	IAEA, NSS No. 24-G, 2015	Cách tiếp cận dựa trên rủi ro đối với các biện pháp an ninh hạt nhân đối với vật liệu hạt nhân và phóng xạ nằm ngoài kiểm soát Risk Informed Approach for Nuclear Security Measures for Nuclear and Other Radioactive Material out of Regulatory Control
464	IAEA, NSS No. 28-T, 2017	Tự đánh giá văn hóa an ninh hạt nhân tại các cơ sở và hoạt động Self-assessment of Nuclear Security Culture in Facilities and Activities
465	IAEA, NSS No. 29-G, 2018	Xây dựng quy định và các biện pháp hành chính liên quan đến an ninh hạt nhân Developing Regulations and Associated Administrative Measures for Nuclear Security
466	IAEA, NSS No. 38-T, 2021	Tăng cường văn hóa an ninh hạt nhân tại các tổ chức liên quan đến vật liệu hạt nhân và phóng xạ Enhancing Nuclear Security Culture in Organizations Associated with Nuclear and Other Radioactive Material
467	IAEA, NSS No. 40-T, 2021	Sổ tay thiết kế hệ thống bảo vệ vật lý đối với vật liệu hạt nhân và cơ sở hạt nhân Handbook on the Design of Physical Protection Systems for Nuclear Material and Nuclear Facilities

468	IAEA, NSS No. 7, 2008	Văn hóa an ninh hạt nhân Nuclear Security Culture
469	IAEA, NSS No.27-G, 2018	Bảo vệ thực thể đối với vật liệu hạt nhân và cơ sở hạt nhân Physical Protection of Nuclear Material and Nuclear Facilities
470	IAEA, SSG-65, 2022	Yêu cầu chuẩn bị và ứng phó với tình huống khẩn cấp hạt nhân hoặc bức xạ liên quan đến vận chuyển vật liệu phóng xạ Preparedness and Response for a Nuclear or Radiological Emergency Involving the Transport of Radioactive Material